

NGUYỄN SĨ QUẾ
NGUYỄN MAI ANH - VŨ THỊ ÁNH TUYẾT

BÀI TẬP LỊCH SỬ 12



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN SĨ QUẾ
NGUYỄN MAI ANH - VŨ THỊ ÁNH TUYẾT

BÀI TẬP LỊCH SỬ 12



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

(Tái bản lần thứ ba)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

01 – 2011/CXB/944 – 1235/GD

Mã số : TZD32h1

Download Ebook Tai: <https://downloadsachmienphi.com>

Phần một

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000

Chương I

SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 – 1949)

Bài 1

SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 – 1949)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](https://downloadsachmienphi.com)

1. Hội nghị Ianta diễn ra trong thời gian

- A. từ ngày 3 đến ngày 11 – 2 – 1945. C. từ ngày 3 đến ngày 12 – 2 – 1945.
B. từ ngày 4 đến ngày 11 – 2 – 1945. D. từ ngày 4 đến ngày 12 – 2 – 1945.

2. Tham dự Hội nghị Ianta gồm các nguyên thủ đại diện cho các quốc gia

- A. Anh, Pháp, Mĩ. C. Liên Xô, Anh, Mĩ.
B. Anh, Pháp, Liên Xô. D. Liên Xô, Mĩ, Pháp.

3. Hội nghị Ianta đã thoả thuận việc đóng quân ở nước Đức sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Liên Xô đóng quân ở Đông Đức ; Mĩ đóng quân ở Tây Đức.
B. Liên Xô đóng quân ở Đông Đức và Đông Béclin ; Mĩ đóng quân ở Tây Đức và Tây Béclin.
C. Liên Xô đóng quân ở Đông Đức và Đông Béclin ; Mĩ, Anh, Pháp đóng quân ở Tây Đức và Tây Béclin.
D. mỗi nước Liên Xô và Mĩ đóng quân ở một nửa lãnh thổ nước Đức.

4. Cơ quan đóng vai trò quan trọng nhất của tổ chức Liên hợp quốc trong việc giữ gìn hoà bình và an ninh thế giới là
 - A. Đại hội đồng.
 - B. Hội đồng Bảo an.
 - C. Ban Thư kí.
 - D. Toà án Quốc tế.
5. Nhà nước Cộng hoà Dân chủ (CHDC) Đức được thành lập vào
 - A. tháng 9 – 1949.
 - B. tháng 10 – 1949.
 - C. tháng 11 – 1949.
 - D. tháng 12 – 1949.
6. Thế giới bị phân chia thành hai hệ thống xã hội đối lập : tư bản chủ nghĩa (TBCN) và xã hội chủ nghĩa (XHCN) vào năm
 - A. 1945.
 - B. 1947.
 - C. 1949.
 - D. 1954.
7. "Kế hoạch phục hưng châu Âu" (còn gọi là "Kế hoạch Mácsan") của Mĩ nhằm mục đích quan trọng nhất là
 - A. giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế sau chiến tranh.
 - B. tiêu thụ hàng hoá của Mĩ.
 - C. tăng cường ảnh hưởng và sự khống chế của Mĩ đối với các nước Tây Âu.
 - D. Các ý A, B và C đều đúng.

downloadsachmienphi.com

BÀI TẬP 2

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hãy điền chữ Đ vào ô ☐ trước câu đúng hoặc chữ S vào ô ☐ trước câu sai.

1. ☐ Hội nghị Ianta diễn ra căng thẳng, quyết liệt chủ yếu do các nước đều muốn giành quyền lợi tương xứng với vai trò, địa vị của mình.
2. ☐ Hội nghị Ianta quyết định cả ba nước đứng đầu phe Đồng minh là Liên Xô, Anh, Mĩ cùng tham gia đánh phát xít Nhật sau khi tiêu diệt phát xít Đức.
3. ☐ Hội nghị Ianta quyết định việc giải giáp quân đội Nhật Bản ở Đông Dương giao cho quân Anh ở phía Nam vĩ tuyến 17 và quân đội Trung Hoa Dân quốc ở phía Bắc.
4. ☐ Mục đích lớn nhất của Liên hợp quốc là duy trì hoà bình và an ninh thế giới.
5. ☐ Hiện nay, những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc vẫn được tất cả các nước thành viên tuân thủ nghiêm chỉnh.
6. ☐ Toà án Quốc tế bao gồm 15 thẩm phán có quốc tịch khác nhau. Đây là cơ quan tư pháp của Liên hợp quốc.
7. ☐ WHO là tên viết tắt của Quỹ Tiền tệ Quốc tế.
8. ☐ Việt Nam được kết nạp làm thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc ngày 20 – 9 – 1977.

BÀI TẬP 3

Hãy điền những nội dung phù hợp vào chỗ chấm (...) trong các câu sau :

1. Tại Hội nghị Potsdam, ba cường quốc đã khẳng định nước Đức phải trở thành ; tiêu diệt tận gốc ;
thoả thuận việc phân chia các khu vực chiếm đóng và kiểm soát
..... sau chiến tranh.
2. Hội đồng Bảo an là cơ quan giữ vai trò trọng yếu trong việc duy trì.....
..... Mọi quyết định của Hội đồng Bảo an phải được sự nhất trí của
..... Ủy viên thường trực là
mới được thông qua và có giá trị.

BÀI TẬP 4

Hãy ghép tên nước với những thoả thuận tại Hội nghị Ianta cho phù hợp về việc đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Á, châu Âu giữa các nước.

Tên nước	Nội dung thoả thuận
1. Liên Xô	a) đóng quân ở Nhật Bản và Nam vĩ tuyến 38 của Triều Tiên.
2. Mĩ, Anh, Pháp	b) nắm giữ phạm vi ảnh hưởng ở Tây Âu.
3. Mĩ	c) đóng quân ở Đông Đức, Đông Béclin ; Bắc vĩ tuyến 38 của Triều Tiên.
4. Trung Quốc	d) nắm giữ phạm vi ảnh hưởng ở Đông Âu.
	e) đóng quân ở Tây Đức, Tây Béclin, Tây Âu.

BÀI TẬP 5

Hãy điền tên cơ quan của tổ chức Liên hợp quốc vào bảng sau cho phù hợp với nhiệm vụ được giao.

Tên cơ quan	Nhiệm vụ
	là cơ quan quan trọng nhất trong việc duy trì hoà bình và an ninh thế giới.
	gồm đại diện của tất cả các nước thành viên, mỗi năm họp 1 lần để thảo luận tất cả các vấn đề hoặc công việc thuộc phạm vi Hiến chương Liên hợp quốc.

	là cơ quan tư pháp của Liên hợp quốc, có nhiệm vụ giải quyết các tranh chấp giữa các nước trên cơ sở luật pháp quốc tế.
	là cơ quan hành chính – tổ chức của Liên hợp quốc, đứng đầu là Tổng thư kí với nhiệm kì 5 năm.

BÀI TẬP 6

Những vấn đề quan trọng và cấp bách đặt ra cho các nước đứng đầu phe Đồng minh trong thời gian đầu năm 1945 là gì ?

.....

.....

.....

.....

BÀI TẬP 7

Trình bày mục đích và nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

.....

.....

.....

.....

BÀI TẬP 8

1. Hãy nêu ngắn gọn những thành tựu của tổ chức Liên hợp quốc trong hơn nửa thế kỉ qua.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Hãy nêu một số hoạt động của Liên hợp quốc tại Việt Nam mà em biết.

.....

.....

.....

.....

.....

Chương II

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 – 1991) LIÊN BANG NGA (1991 – 2000)

Bài 2

downloadsachmienphi.com

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 – 1991) LIÊN BANG NGA (1991 – 2000)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

- Công cuộc khôi phục kinh tế ở Liên Xô diễn ra trong thời gian
 - từ năm 1945 đến năm 1949.
 - từ năm 1945 đến năm 1950.
 - từ năm 1946 đến năm 1949.
 - từ năm 1946 đến năm 1950.
- Liên Xô đã hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế trong thời gian
 - 4 năm.
 - 4 năm 3 tháng.
 - 4 năm 6 tháng.
 - 5 năm.
- Đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô là cường quốc công nghiệp đứng thứ
 - nhất thế giới.
 - hai thế giới.
 - ba thế giới.
 - tư thế giới.

4. Đến năm 1949, số lượng các nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu là
A. 6 nước. B. 7 nước C. 8 nước. D. 9 nước.
5. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) được thành lập ngày
A. 7 – 1 – 1949. C. 5 – 5 – 1949.
B. 8 – 1 – 1949. D. 14 – 5 – 1955.
6. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô diễn ra trong thời gian
A. từ năm 1986 đến năm 1990. C. từ năm 1986 đến năm 1991.
B. từ năm 1985 đến năm 1991. D. từ năm 1986 đến năm 2000.
7. CHDC Đức sáp nhập vào Cộng hoà Liên bang (CHLB) Đức năm
A. 1988. B. 1990. C. 1989. D. 1991.
8. Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) thành lập ngày 21 – 12 – 1991 gồm
A. 9 quốc gia. B. 10 quốc gia. C. 11 quốc gia. D. 15 quốc gia.
9. Mốc đánh dấu sự chấm dứt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô là ngày
A. 19 – 8 – 1991. C. 24 – 12 – 1991.
B. 21 – 12 – 1991. D. 25 – 12 – 1991.
10. Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu là
A. xây dựng một mô hình CNXH chưa khoa học, đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp.
B. sự lạc hậu về khoa học – kĩ thuật nên không theo kịp sự phát triển chung của thế giới.
C. chậm tiến hành cải cách, sửa đổi và khi thực hiện lại mắc phải nhiều sai lầm.
D. sự chống phá của các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ vào ô ☐ trước câu đúng hoặc chữ S vào ô ☐ trước câu sai.

1. ☐ Liên Xô hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế là do nhận được sự giúp đỡ tích cực của các nước trong phe XHCN.
2. ☐ Đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô là nước dẫn đầu thế giới trong lĩnh vực công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện hạt nhân.
3. ☐ Trong những năm 1945 – 1946, chế độ dân chủ nhân dân đã được thiết lập tại 7 quốc gia Đông Âu.

4. ☐ Hội đồng tương trợ kinh tế chỉ giới hạn hoạt động trong phạm vi giữa Liên Xô và các nước Đông Âu.
5. ☐ Hạn chế lớn nhất của Hội đồng tương trợ kinh tế là quan hệ kinh tế mang nặng tính bao cấp, đóng cửa.
6. ☐ Công cuộc cải tổ đã giúp Liên Xô vượt qua khủng hoảng và bước vào thời kì phát triển mới.
7. ☐ Ngày 21 – 12 – 1991, những người lãnh đạo 11 nước cộng hoà trong Liên bang Xô viết kí hiệp định thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (gọi tắt là SNG).
8. ☐ Chế độ XHCN ở Liên Xô đã chấm dứt sau 74 năm tồn tại.
9. ☐ Sự khủng hoảng của chế độ XHCN ở Đông Âu nổ ra sớm nhất ở Ba Lan, sau đó lan ra các nước Đông Âu khác.
10. ☐ Sau khi thực hiện bầu cử tự do, tất cả các Đảng Cộng sản ở Đông Âu đều mất quyền lãnh đạo đất nước và các nước Đông Âu đều quay lại con đường TBCN.
11. ☐ Từ năm 1991 đến năm 2000, Liên bang Nga vẫn luôn duy trì được địa vị của một cường quốc Âu – Á.

BÀI TẬP 3

Hãy điền những nội dung phù hợp vào chỗ chấm (...) trong các câu sau :

1. là nước chịu tổn thất nặng nề nhất trong Chiến tranh thế giới thứ hai : hơn triệu người chết, 1 710 thành phố và hơn 7 vạn làng mạc bị thiêu huỷ, gần 32 000 xí nghiệp bị tàn phá.
2. Về khoa học – kĩ thuật, năm, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất. Năm Liên Xô đã phóng thành công tàu vũ trụ đưa nhà du hành vũ trụ Gagarin bay vòng quanh Trái Đất, mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.

BÀI TẬP 4

Hãy điền nội dung sự kiện về tình hình Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 – 1991), Liên bang Nga (1991 – 2000) cho phù hợp với thời gian trong bảng sau :

Thời gian	Nội dung sự kiện
Ngày 8 – 1 – 1949

Ngày 14 – 5 – 1955
Ngày 3 – 10 – 1990
Ngày 19 – 8 – 1991
Ngày 21 – 12 – 1991
Ngày 25 – 12 – 1991

BÀI TẬP 5

Hãy ghép thời gian với nội dung sự kiện trong bảng sau cho phù hợp.

Thời gian	Nội dung sự kiện
1. Năm 1949,	a) Liên Xô bắt đầu thực hiện công cuộc cải tổ.
2. Năm 1957,	b) thế giới nổ ra cuộc khủng hoảng năng lượng.
3. Năm 1973,	c) nước Đức thống nhất.
4. Năm 1985,	d) Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
5. Năm 1988,	e) Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
6. Năm 1990,	

BÀI TẬP 6

Nêu những thành tựu mà Liên Xô đã đạt được trong thời gian từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX. Ý nghĩa của những thành tựu đó.

.....

.....

.....

.....

BÀI TẬP 7

Trình bày sự ra đời và hoạt động của Hội đồng tương trợ kinh tế và Tổ chức Hiệp ước Vácsava.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI TẬP 8

Nêu hoàn cảnh, nội dung và kết quả của công cuộc cải tổ ở Liên Xô.

BÀI TẬP 9

Nguyên nhân dẫn đến sự tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu là gì ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Chương III

CÁC NƯỚC Á, PHI VÀ MĨ LATINH (1945 – 2000)

Bài 3

CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

- Quốc gia (vùng lãnh thổ) ở khu vực Đông Bắc Á không bị chủ nghĩa thực dân thống trị là
A. Trung Quốc. B. Triều Tiên. C. Nhật Bản. D. Hồng Kông.
- Đến nửa sau thế kỉ XX, "con rồng" kinh tế ở khu vực Đông Bắc Á là
A. Nhật Bản. B. Hàn Quốc. C. Trung Quốc. D. Xingapo.
- Cuộc nội chiến giữa Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quốc dân đảng đã diễn ra trong thời gian
A. từ năm 1945 đến năm 1949. C. từ năm 1946 đến năm 1949.
B. từ năm 1945 đến năm 1950. D. từ năm 1946 đến năm 1950.
- Sau khi cách mạng thắng lợi, nước Trung Quốc có tên là
A. Cộng hoà Trung Hoa. C. Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.
B. Cộng hoà Dân chủ Trung Hoa. D. Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Trung Hoa.

5. Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam ngày
A. 1 – 10 – 1949. C. 30 – 1 – 1950.
B. 18 – 1 – 1950. D. 31 – 1 – 1950.
6. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở Trung Quốc được thực hiện trong thời gian
A. từ năm 1950 đến năm 1954. C. từ năm 1953 đến năm 1957.
B. từ năm 1952 đến năm 1956. D. từ năm 1954 đến năm 1958.
7. Tình trạng không ổn định của đất nước Trung Hoa kéo dài trong khoảng thời gian
A. 10 năm. B. 20 năm. C. 25 năm. D. 30 năm.
8. Công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc được bắt đầu từ năm
A. 1959. B. 1978. C. 1982. D. 1987.
9. Người đã khởi xướng công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc là
A. Mao Trạch Đông. C. Giang Trạch Dân.
B. Đặng Tiểu Bình. D. Hồ Cẩm Đào.
10. Từ khi thực hiện cải cách – mở cửa, nền kinh tế Trung Quốc đã đạt tốc độ tăng trưởng bình quân
A. đứng đầu thế giới. C. đứng thứ ba thế giới.
B. đứng thứ hai thế giới. D. đứng thứ tư thế giới.
11. Trung Quốc phóng thành công tàu vũ trụ "Thần Châu 5" cùng nhà du hành vũ trụ Dương Lợi Vĩ vào không gian năm
A. 1999. B. 2002. C. 2003. D. 2004.
12. Đến nay, một bộ phận lãnh thổ của Trung Quốc vẫn nằm ngoài sự kiểm soát của nước này là
A. Ma Cao. B. Đài Loan. C. Hồng Kông. D. Tây Tạng.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ vào ô ☐ trước câu đúng hoặc chữ S vào ô ☐ trước câu sai.

1. ☐ Sau cuộc kháng chiến chống Nhật Bản kết thúc, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã quyết định tấn công Quốc dân đảng để giành toàn bộ chính quyền.
2. ☐ Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Trung Quốc thắng lợi đã chấm dứt hơn 100 năm nô dịch của đế quốc, xoá bỏ tàn dư phong kiến.
3. ☐ Sau cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân hoàn thành, Trung Quốc bước vào công cuộc khôi phục kinh tế, cải cách ruộng đất, cải tạo công thương nghiệp, phát triển văn hoá, giáo dục trong những năm 1953 – 1957.

4. ☐ Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở Trung Quốc đã giành được nhiều kết quả to lớn, đời sống nhân dân được cải thiện.
5. ☐ Từ năm 1959 đến năm 1978 là giai đoạn Trung Quốc diễn ra những cuộc thanh trừng, tranh giành quyền lực trong nội bộ ban lãnh đạo Đảng Cộng sản, làm cho tình hình đất nước không ổn định, đời sống nhân dân khó khăn.
6. ☐ Trung Quốc là nước đã tiến hành công cuộc cải cách sớm nhất trong phe XHCN.
7. ☐ Đến Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XII (9 – 1982) và Đại hội lần thứ XIII (10 – 1987), những chủ trương của đường lối mới nhằm cải cách nền kinh tế – xã hội đã được nâng lên thành đường lối chung.
8. ☐ Hiện nay, Trung Quốc đang thực hiện phương châm một đất nước hai chế độ.
9. ☐ Trong các năm 1997 và 1999, Trung Quốc đã thu hồi được hai vùng lãnh thổ là Hồng Kông và Ma Cao.

BÀI TẬP 3

Hãy điền nội dung các sự kiện trong lịch sử Trung Quốc từ năm 1945 đến năm 2000 cho phù hợp với thời gian ở bảng sau :

Thời gian	Nội dung sự kiện
Ngày 20 – 7 – 1946
Ngày 1 – 10 – 1949
Từ năm 1953 đến năm 1957
Từ năm 1966 đến năm 1976
Tháng 12 – 1978
Tháng 10 – 1987
Tháng 7 – 1997

BÀI TẬP 7

Nêu bối cảnh lịch sử, chủ trương và thành tựu trong công cuộc cải cách – mở cửa của Trung Quốc.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



downloadsachmienphi.com

Bài 4

CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

- Đến năm 1945, khu vực Đông Nam Á gồm có
 - 8 quốc gia.
 - 9 quốc gia.
 - 10 quốc gia.
 - 11 quốc gia.
- Năm 1945, các quốc gia giành được độc lập ở khu vực Đông Nam Á là
 - Việt Nam, Lào, Campuchia.
 - Việt Nam, Lào, Ấn Độ.
 - Việt Nam, Lào, Philippin.
 - Việt Nam, Ấn Độ, Thái Lan.
- Ở khu vực Đông Nam Á, quốc gia duy nhất **không** trở thành thuộc địa của các nước đế quốc Âu – Mỹ là
 - Thái Lan.
 - Xingapo.
 - Brunây.
 - Malaixia.

4. Nước Lào tuyên bố độc lập ngày
 - A. 12 – 10 – 1945.
 - B. 21 – 7 – 1954.
 - C. 21 – 2 – 1973.
 - D. 2 – 12 – 1975.
5. Thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Lào vào
 - A. tháng 3 – 1945.
 - B. tháng 3 – 1946.
 - C. tháng 3 – 1949.
 - D. tháng 3 – 1950.
6. Đảng Nhân dân Lào được thành lập ngày
 - A. 3 – 2 – 1930.
 - B. 20 – 1 – 1949.
 - C. 13 – 8 – 1950.
 - D. 22 – 3 – 1955.
7. Hiệp định Viêng Chăn về việc lập lại hoà bình, thực hiện hoà hợp dân tộc ở Lào được kí kết ngày
 - A. 21 – 7 – 1954.
 - B. 27 – 1 – 1973.
 - C. 21 – 2 – 1973.
 - D. 2 – 12 – 1975.
8. Sau cuộc kháng chiến chống Mĩ thắng lợi, ngày 2 – 12 – 1975, nước Lào được thành lập có tên là
 - A. Cộng hoà Lào.
 - B. Vương quốc Lào.
 - C. Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.
 - D. Cộng hoà Nhân dân Lào.
9. Thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Campuchia vào
 - A. tháng 9 – 1945.
 - B. tháng 10 – 1945.
 - C. tháng 3 – 1946.
 - D. tháng 12 – 1946.
10. Sự kiện diễn ra ngày 18 – 3 – 1970 ở Campuchia là
 - A. Chính phủ Xihanúc bị lật đổ.
 - B. Mĩ trao trả độc lập cho Campuchia.
 - C. Thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng.
 - D. Khòme đỏ lên cầm quyền ở Campuchia.
11. Ngày 23 – 10 – 1991, Hiệp định hoà bình về hoà giải và hoà hợp dân tộc ở Campuchia được kí kết tại
 - A. Giơnevơ.
 - B. Pari.
 - C. Giacáccta.
 - D. Phnôm Pênh.
12. Những nước tham gia sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là
 - A. Thái Lan, Indônêxia, Malaixia, Philippin, Xingapo.
 - B. Thái Lan, Indônêxia, Malaixia, Mianma, Xingapo.
 - C. Thái Lan, Brunây, Indônêxia, Malaixia, Xingapo.
 - D. Thái Lan, Việt Nam, Xingapo, Brunây, Malaixia.

13. Quốc gia trong tổ chức ASEAN đã trở thành "con rồng" kinh tế của châu Á là
A. Thái Lan. B. Xingapo. C. Malaixia. D. Brunây.
14. Hiện nay, tổ chức ASEAN gồm
A. 7 nước thành viên. C. 10 nước thành viên.
B. 8 nước thành viên. D. 11 nước thành viên.
15. Nước Cộng hoà Ấn Độ tuyên bố thành lập ngày
A. 19 – 2 – 1946. C. 26 – 1 – 1950.
B. 15 – 8 – 1947. D. 26 – 3 – 1971.
16. Vào những năm 80 của thế kỉ XX, trong số các nước công nghiệp của thế giới, Ấn Độ là nước
A. đứng thứ năm. C. đứng thứ tám.
B. đứng thứ bảy. D. đứng thứ mười.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ vào ô ☐ trước câu đúng hoặc chữ S vào ô ☐ trước câu sai.

1. ☐ Đến những thập kỉ 60 – 70 của thế kỉ XX, tất cả các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á đều đã giành được độc lập.
2. ☐ Sau khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, ba nước Đông Dương đều lần lượt giành được độc lập cuối năm 1945.
3. ☐ Với Hiệp định Giơnevơ (21 – 7 – 1954), nhân dân ba nước Đông Dương đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
4. ☐ Năm 1954, đế quốc Mỹ đã thành lập chính quyền tay sai và áp đặt chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở Lào và Việt Nam.
5. ☐ Trong thời gian từ năm 1954 đến năm 1970, Campuchia không phải tiến hành cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ và tay sai.
6. ☐ Trong ba nước Đông Dương, Campuchia là nước kết thúc cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ và tay sai sớm nhất.
7. ☐ Ở khu vực Đông Nam Á hiện nay, các nước Thái Lan, Campuchia, Brunây theo thể chế quân chủ lập hiến.
8. ☐ Ngày 15 – 8 – 1947, Ấn Độ bị chia thành ba nước là Ấn Độ, Pakixtan và Bănglăđét.

9. ☐ Hiệp ước Bali (2 – 1976) đã mở ra thời kì phát triển mới của tổ chức ASEAN.
10. ☐ Ngày 28 – 7 – 1995, Việt Nam và Lào được kết nạp vào tổ chức ASEAN.
11. ☐ Đến năm 2000, 11 quốc gia ở khu vực Đông Nam Á đã gia nhập tổ chức ASEAN.
12. ☐ Trong những năm 60 – 70 của thế kỉ XX, những nước sáng lập tổ chức ASEAN đều chuyển sang chiến lược kinh tế hướng ngoại và đã đạt được nhiều thành tựu to lớn.

BÀI TẬP 3

Hãy ghép thời gian với sự kiện lịch sử trong bảng dưới đây cho phù hợp về cách mạng Lào và cách mạng Campuchia giai đoạn 1945 – 1975.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
1. Tháng 10 – 1945,	a) nhân dân Campuchia bắt đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai.
2. Tháng 3 – 1946,	b) cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Campuchia kết thúc.
3. Ngày 9 – 11 – 1953,	c) Hiệp định hoà bình về Campuchia được kí kết.
4. Ngày 17 – 4 – 1975,	d) chế độ diệt chủng Pôn Pốt ở Campuchia bị lật đổ.
5. Ngày 2 – 12 – 1975,	e) Pháp tuyên bố trao trả độc lập cho Campuchia.
6. Ngày 5 – 12 – 1975,	g) thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Lào lần thứ hai.
7. Ngày 7 – 1 – 1979,	h) nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào được thành lập.
8. Ngày 23 – 10 – 1991,	

BÀI TẬP 4

Hoàn thành bảng hệ thống về các nước trong tổ chức ASEAN theo những nội dung sau :

TT	Tên nước	Thủ đô	Năm giành được độc lập	Thời gian gia nhập ASEAN
.....
.....
.....

BÀI TẬP 5

Hoàn thành bảng so sánh về chiến lược phát triển kinh tế của các nước sáng lập ASEAN theo những nội dung sau :

Nội dung so sánh	Chiến lược kinh tế hướng nội	Chiến lược kinh tế hướng ngoại
Thời gian		
Mục tiêu		
Nội dung		
Thành tựu		

Hạn chế		
---------	--	--

BÀI TẬP 6

Trình bày vắn tắt sự phát triển của cách mạng Lào từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000.

BÀI TẬP 7

Trình bày sự thành lập của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và quan hệ giữa ASEAN với Việt Nam.

BÀI TẬP 8

Hãy nêu những nét chính trong phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ hai và phân tích ý nghĩa của phong trào đấu tranh này.

Bài 5

CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MĨ LATINH

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.



1. Đến năm 2000, châu Phi gồm có
 - A. 50 quốc gia.
 - B. 51 quốc gia.
 - C. 53 quốc gia.
 - D. 54 quốc gia.
2. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, những quốc gia giành được độc lập sớm nhất ở châu Phi là
 - A. Ai Cập và Angiêri.
 - B. Ai Cập và Libi.
 - C. Ai Cập và Tuynidi.
 - D. Ai Cập và Maroc.
3. Sự kiện 17 quốc gia ở châu Phi cùng giành được độc lập diễn ra vào năm
 - A. 1945.
 - B. 1956.
 - C. 1960.
 - D. 1975.
4. Năm 1975 là mốc đánh dấu sự thất bại về cơ bản của chủ nghĩa thực dân cũ với sự kiện giành độc lập của
 - A. Môdămbích và Ănggôla.
 - B. Angiêri và Môdămbích.
 - C. Êtiôpia và Ănggôla.
 - D. Êtiôpia và Angiêri.
5. Chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi đã chấm dứt vào năm
 - A. 1990.
 - B. 1993.
 - C. 1994.
 - D. 1995.
6. Đến năm 2000, khu vực Mĩ Latinh gồm
 - A. 25 quốc gia.
 - B. 31 quốc gia.
 - C. 33 quốc gia.
 - D. 35 quốc gia.

7. Phong trào được coi là "lá cờ đầu" của cách mạng Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là
 - A. cách mạng Mêhicô.
 - B. cách mạng Cuba.
 - C. cách mạng Panama.
 - D. cách mạng-Vênêxuêla.
8. Hình thức đấu tranh chủ yếu của các nước Mĩ Latinh sau thắng lợi của cách mạng Cuba năm 1959 là
 - A. đấu tranh vũ trang.
 - B. đấu tranh nghị trường.
 - C. đấu tranh ngoại giao.
 - D. bất hợp tác.
9. Sau khi giành được độc lập, các quốc gia ở khu vực Mĩ Latinh trở thành nước công nghiệp mới là
 - A. Pêru, Chilê, Mêhicô.
 - B. Mêhicô, Braxin, Chilê.
 - C. Braxin, Vênêxuêla, Áchentina.
 - D. Mêhicô, Braxin, Áchentina.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ vào ô ☐ trước câu đúng hoặc chữ S vào ô ☐ trước câu sai.

1. ☐ Trong cuộc xâm lược châu Phi, Anh và Pháp là những nước chiếm được nhiều thuộc địa nhất.
2. ☐ Mục tiêu đấu tranh chủ yếu của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai là lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ.
3. ☐ Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, ở châu Phi, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh nhất là khu vực Bắc Phi.
4. ☐ Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954) đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa của Pháp tại châu Phi.
5. ☐ Angiêri là quốc gia đầu tiên ở châu Phi giành được độc lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
6. ☐ Năm 1975 được gọi là "Năm châu Phi" vì có 17 nước ở châu lục này giành được độc lập.
7. ☐ Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Phi đã có một tổ chức lãnh đạo thống nhất là Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU).
8. ☐ Sau khi giành được độc lập, các nước châu Phi đã phát triển nhanh chóng về kinh tế và nhiều quốc gia đã trở thành nước công nghiệp mới.
9. ☐ Mục tiêu đấu tranh chủ yếu của khu vực Mĩ Latinh là lật đổ chính quyền tay sai của Mĩ.

10. ☐ Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một tổ chức chung đã ra đời để lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mĩ Latinh.
11. ☐ Sau khi giành được độc lập, tất cả các nước ở khu vực Mĩ Latinh đều xây dựng đất nước theo con đường TBCN.

BÀI TẬP 3

Hãy điền nội dung sự kiện cho phù hợp với thời gian của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi trong bảng sau.

Thời gian	Nội dung sự kiện
Ngày 18 – 6 – 1953
Năm 1956
Năm 1960
Năm 1975
Ngày 21 – 3 – 1990
Tháng 4 – 1994

BÀI TẬP 4

Hãy ghép thời gian với nội dung lịch sử trong bảng cho đúng với phong trào cách mạng ở khu vực Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Thời gian	Nội dung lịch sử
1. Từ năm 1945 đến thắng lợi của cách mạng Cuba (1959),	a) hình thức đấu tranh chủ yếu là bãi công, đấu tranh nghị trường, mít tinh...

2. Từ năm 1959 đến giữa những năm 80 của thế kỉ XX,	b) hình thức đấu tranh chủ yếu là khởi nghĩa vũ trang.
3. Từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX đến năm 2000,	c) nhiều nước Mĩ Latinh chuyển sang thời kì dân sự hoá chính quyền và đạt được nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế.
4. Từ năm 1975 đến năm 1991,	

BÀI TẬP 5

Hãy điền những nội dung thích hợp vào chỗ chấm (...) trong các câu sau :

1. Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU) thành lập tháng....., đến năm 2002 đổi thành.....
2. Năm 1975, với thắng lợi của nhân dân Môđambich và..... trong cuộc đấu tranh chống thực dân Bồ Đào Nha, chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cùng hệ thống thuộc địa của nó cơ bản bị tan rã.
3. Ngày 1 – 1 – 1959, chế độ độc tài..... sụp đổ, nước..... ra đời do Phiden Cátxtơrô đứng đầu.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI TẬP 6

Hoàn thành bảng so sánh giữa phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và phong trào đấu tranh của nhân dân khu vực Mĩ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Nội dung so sánh	Châu Phi	Khu vực Mĩ Latinh
Thời gian giành độc lập
Đối tượng đấu tranh

Mục tiêu đấu tranh		
Nội dung đấu tranh		
Phương pháp đấu tranh		

BÀI TẬP 7

Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 có đặc điểm gì ?

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI TẬP 8

Hãy trình bày những thành tựu về kinh tế – xã hội của các nước Mĩ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Chương IV

MĨ, TÂY ÂU, NHẬT BẢN (1945 – 2000)

Bài 6

NƯỚC MĨ

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

- Năm 1948, sản lượng công nghiệp của Mĩ chiếm khoảng
 - 25% của thế giới.
 - 48% của thế giới.
 - 54% của thế giới.
 - 56% của thế giới.
- Trong khoảng nửa sau những năm 40 của thế kỉ XX, nền kinh tế Mĩ chiếm
 - gần 30% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.
 - gần 35% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.
 - gần 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.
 - gần 45% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.
- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Mĩ thu được nhiều lợi nhuận từ ngành công nghiệp
 - chế tạo vũ khí.
 - sản xuất máy bay.
 - khai thác khoáng sản.
 - sản xuất rôbốt.
- Từ năm 1945 đến đầu những năm 70, chính sách đối nội nhất quán của chính quyền Mĩ là
 - ngăn chặn, đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân và các lực lượng tiến bộ.
 - cải thiện đời sống nhân dân và cho phép công nhân đấu tranh.
 - tăng cường đàn áp và bóc lột công nhân.
 - ưu tiên cải thiện đời sống cho công nhân để khuyến khích họ sản xuất.
- Tổng thống đề ra chiến lược toàn cầu của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là
 - Rudoven.
 - Truman.
 - Aixenhao.
 - Kenơđi.
- Mục tiêu quan trọng nhất của Mĩ trong chiến lược toàn cầu là
 - ngăn chặn và tiến tới xoá bỏ CNXH trên phạm vi thế giới.
 - đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân quốc tế.

- C. khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh.
D. xâm lược các nước ở châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.
7. Sau khi CNXH ở Liên Xô và Đông Âu tan rã, Mĩ muốn thiết lập một trật tự thế giới mới dựa trên sự chi phối của
- A. Mĩ và Nga. C. Mĩ, Anh, Pháp.
B. Mĩ. D. Mĩ, Nga, Trung Quốc.
8. Mĩ đã xoá bỏ cấm vận và bình thường hoá quan hệ với Việt Nam dưới thời của Tổng thống
- A. Rigan. B. Busơ (cha). C. Clinton. D. Pho.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ vào ô ☐ trước câu đúng hoặc chữ S vào ô ☐ trước câu sai.

- ☐ Trong khoảng thời gian từ năm 1945 đến năm 1949, thế giới tư bản đã hình thành ba trung tâm kinh tế – tài chính là Mĩ, Nhật Bản và Tây Âu.
- ☐ Kinh tế Mĩ phát triển mạnh mẽ sau Chiến tranh thế giới thứ hai dựa vào việc ứng dụng được những thành tựu mới nhất của cách mạng khoa học – kĩ thuật.
- ☐ Mĩ là nước đầu tiên phóng thành công tàu vũ trụ, mở ra kỉ nguyên chinh phục không gian của loài người.
- ☐ Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Đảng Cộng hoà đã liên tục cấm quyền ở Mĩ trong vòng hai thập kỉ.
- ☐ Mĩ là quốc gia có tỉ lệ chênh lệch giàu nghèo cao nhất trên thế giới.
- ☐ Hiện nay, Mĩ là quốc gia có thu nhập bình quân tính theo đầu người cao nhất trên thế giới.
- ☐ Chính sách đối ngoại của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai xuất phát từ tham vọng làm bá chủ thế giới.
- ☐ Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đã có 4 đời Tổng thống Mĩ theo đuổi cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- ☐ Đến nay, Mĩ đã hoàn thành tất cả những mục tiêu của chiến lược toàn cầu được đề ra từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- ☐ Cuộc Chiến tranh lạnh do Mĩ khởi xướng chống Liên Xô và các nước XHCN đã đem lại cho nước Mĩ nhiều ưu thế về kinh tế, quân sự so với Tây Âu và Nhật Bản.

BÀI TẬP 3

Hãy điền thời gian cho phù hợp với nội dung trong bảng sau :

Thời gian	Nội dung
	Sản lượng nông nghiệp của Mĩ bằng 2 lần sản lượng của 5 nước Anh, Pháp, CHLB Đức, Italia và Nhật Bản cộng lại.
	Phong trào đấu tranh của người da đen chống nạn phân biệt chủng tộc bùng lên mạnh mẽ.
	Quan hệ ngoại giao giữa Mĩ và Trung Quốc được thiết lập.
	Mĩ bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

BÀI TẬP 4

Trình bày nét chính về sự phát triển về kinh tế và khoa học – kĩ thuật của Mĩ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI TẬP 5

Quá trình thực hiện chiến lược toàn cầu của Mĩ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai nhằm mục tiêu gì ?

Bài 7 **TÂY ÂU**

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

1. Ý **không** phản ánh đúng tình hình các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là
 - A. đất nước bị tàn phá nặng nề.
 - B. hàng triệu người chết, mất tích hoặc bị tàn phế.
 - C. sản xuất công, nông nghiệp sa sút nghiêm trọng.
 - D. thu được nguồn lợi nhuận khổng lồ qua việc cung cấp vũ khí cho chiến tranh.
2. Các nước Tây Âu tiến hành công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh trong những năm
 - A. 1945 – 1946.
 - B. 1945 – 1947.
 - C. 1945 – 1949.
 - D. 1945 – 1950.
3. Ý **không** phản ánh đúng chính sách ưu tiên của các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là
 - A. ra sức củng cố chính quyền của giai cấp tư sản ; ổn định tình hình chính trị – xã hội.
 - B. tập trung hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế.
 - C. tìm cách thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mĩ.
 - D. tìm cách quay trở lại các thuộc địa cũ của mình.
4. Nhân tố quan trọng hàng đầu giúp các nước Tây Âu nhanh chóng khôi phục kinh tế sau chiến tranh là
 - A. chính sách đúng đắn của các nhà nước ở Tây Âu.
 - B. sự nỗ lực vươn lên của nhân dân các nước Tây Âu.
 - C. nhận được khoản bồi thường chiến tranh để khôi phục kinh tế.
 - D. viện trợ của Mĩ thông qua “Kế hoạch Mácsan”.
5. Nét nổi bật nhất của tình hình các nước Tây Âu trong những năm 1945 – 1950 là
 - A. sự phục hồi và vươn lên mạnh mẽ về kinh tế.
 - B. sự phụ thuộc chặt chẽ vào Mĩ.
 - C. nền kinh tế, chính trị, xã hội,... được kiện toàn về mọi mặt, trở thành đối trọng của khối Đông Âu XHCN vừa mới hình thành.
 - D. nhiều nước Tây Âu gia nhập khối quân sự Bắc Đại Tây Dương do Mĩ đứng đầu.

6. Nước CHLB Đức được thành lập vào
 - A. tháng 10 – 1945.
 - B. tháng 10 – 1946.
 - C. tháng 10 – 1948.
 - D. tháng 10 – 1949.
7. Nước CHLB Đức được thành lập dựa trên cơ sở
 - A. hợp nhất các khu vực chiếm đóng của Mĩ, Anh, Pháp tại Đức.
 - B. lãnh thổ nước Đức trước chiến tranh.
 - C. lãnh thổ của nước “Đại Đức” do Hítler lập ra.
 - D. khu vực chiếm đóng của Liên Xô trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
8. Từ năm 1950 đến đầu thập kỉ 70 của thế kỉ XX, CHLB Đức vươn lên thành cường quốc công nghiệp đứng
 - A. đầu thế giới.
 - B. thứ hai thế giới, sau Mĩ.
 - C. thứ ba thế giới, sau Mĩ và Nhật Bản.
 - D. thứ tư thế giới, sau Mĩ, Nhật Bản và Anh.
9. Thành tựu lớn nhất mà các nước Tây Âu đạt được trong những năm 50 – 70 của thế kỉ XX là
 - A. trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới.
 - B. trình độ khoa học – kĩ thuật phát triển cao và hiện đại.
 - C. thành lập được một tổ chức khu vực hoạt động rất có hiệu quả.
 - D. trở thành trung tâm chính trị có ảnh hưởng lớn trên phạm vi thế giới.
10. Yếu tố **không** phải lí do khiến nền kinh tế các nước Tây Âu phát triển nhanh trong những năm 1950 – 1973 là
 - A. áp dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật để tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm...
 - B. Nhà nước có vai trò rất to lớn trong quản lí, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.
 - C. ngân sách chi cho quốc phòng rất thấp; chủ yếu đầu tư cho phát triển kinh tế.
 - D. tận dụng tốt các cơ hội từ bên ngoài để phát triển và hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu.
11. Nét nổi bật nhất trong tình hình đối ngoại của các nước Tây Âu những năm 1950 – 1973 là
 - A. chịu sự chi phối và ảnh hưởng sâu sắc của Mĩ.
 - B. các nước Tây Âu thực hiện đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại.

- C. nhiều thuộc địa của Anh, Pháp, Hà Lan,... tuyên bố độc lập, đánh dấu thời kì "phi thực dân hoá" trên phạm vi thế giới.
- D. một số nước Tây Âu chú ý phát triển quan hệ với Liên Xô và các nước XHCN khác, phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ.
12. Từ năm 1973 đến năm 1991, nền kinh tế các nước Tây Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy thoái là do
- A. sự suy thoái của nền kinh tế Mỹ.
- B. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới bắt đầu từ năm 1973.
- C. sự vươn lên và cạnh tranh mạnh mẽ của các nước công nghiệp mới (NICs).
- D. sự vươn lên mạnh mẽ và cạnh tranh gay gắt của Nhật Bản.
13. Khó khăn, thách thức lớn nhất đối với nền kinh tế các nước Tây Âu hiện nay là
- A. sự phát triển thường xen kẽ với khủng hoảng, suy thoái, lạm phát, thất nghiệp.
- B. luôn gặp phải sự cạnh tranh quyết liệt từ Mỹ, Nhật Bản và các nước NICs.
- C. quá trình "nhất thể hoá" Tây Âu vẫn còn nhiều trở ngại.
- D. Các ý A, B và C đều đúng.
14. Sự kiện nổi bật nhất trong tình hình đối ngoại của các nước Tây Âu những năm 1973 – 1991 là
- A. việc kí kết hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa CHLB Đức và CHDC Đức (1972) làm cho tình hình Tây Âu dịu đi.
- B. các nước Tây Âu tham gia Định ước Henxinki (1975).
- C. "Bức tường Béc-lin" bị phá bỏ (1989), nước Đức tái thống nhất với tên gọi là CHLB Đức (1990).
- D. Các ý A, B và C đều đúng.
15. Tên gọi "Liên minh châu Âu" chính thức được sử dụng từ ngày
- A. 11 – 7 – 1967.
- B. 7 – 12 – 1991.
- C. 1 – 1 – 1993.
- D. 1 – 1 – 1999.
16. Liên minh châu Âu (EU) là một tổ chức
- A. hợp tác liên minh về kinh tế, chính trị và an ninh,... giữa các nước thành viên có cùng một chế độ chính trị.
- B. hợp tác liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ.
- C. liên minh về chính trị, đối ngoại.
- D. liên minh, hợp tác nhằm giải quyết những vấn đề về an ninh chung.

17. Đến cuối thập kỉ 90 của thế kỉ XX, Liên minh châu Âu là một tổ chức

- A. liên kết kinh tế lớn nhất thế giới.
- B. liên kết chính trị chặt chẽ nhất thế giới.
- C. liên kết chính trị – kinh tế lớn nhất thế giới.
- D. có vai trò quan trọng nhất trên trường quốc tế.

BÀI TẬP 2

1. Hãy điền nội dung lịch sử cho phù hợp với mốc thời gian về quá trình phát triển của nền kinh tế các nước Tây Âu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 trong bảng sau :

Thời gian	Nội dung lịch sử
Từ năm 1945 đến năm 1950	
Từ thập kỉ 50 đến đầu thập kỉ 70	
Từ năm 1973 đến đầu thập kỉ 90	
Từ năm 1994 đến năm 2000	

2. Hãy điền thời gian cho phù hợp với các sự kiện lịch sử về quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU) trong bảng sau :

Thời gian	Sự kiện lịch sử
	Sáu nước Tây Âu (Pháp, CHLB Đức, Bỉ, Italia, Hà Lan, Lúcxămbua) thành lập Cộng đồng than – thép châu Âu.
	Hiệp ước Rôma về việc thành lập Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu và Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) được kí kết.
	Cộng đồng than – thép châu Âu, Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu và Cộng đồng kinh tế châu Âu hợp nhất thành Cộng đồng châu Âu (EC).
	Các nước thành viên EC đã kí Hiệp ước Maxtrich về việc thành lập Liên minh châu Âu (EU).
	Bảy nước EU huỷ bỏ kiểm soát việc đi lại của công dân các nước này qua biên giới của nhau.
	Phát hành đồng tiền chung châu Âu với tên gọi là đồng ơ. Đồng ơ được lưu hành ở 12 nước thành viên EU, thay thế cho đồng bản tệ ở các nước này.
	EU kết nạp thêm 10 nước, nâng tổng số thành viên lên 25 nước.
	EU kết nạp thêm 2 nước, nâng tổng số thành viên lên 27 nước.

BÀI TẬP 3

Hãy nêu các nguyên nhân khiến kinh tế Tây Âu phát triển vượt bậc trong những năm 1950 – 1973.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI TẬP 4

Hãy điền nội dung chủ yếu trong chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu vào bảng sau cho phù hợp.

Giai đoạn	Chính sách đối ngoại
1950 – 1973
1973 – 1991
1991 – 2000

BÀI TẬP 5

Hãy hoàn thành bảng so sánh giữa Liên minh châu Âu (EU) với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) theo các nội dung sau :

Nội dung	EU	ASEAN
Hoàn cảnh ra đời
Mục tiêu
Đối tượng kết nạp vào tổ chức

<p>Các mốc phát triển chính</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>Nhận xét chung</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

BÀI TẬP 6

Quan sát lược đồ hình 20 trong SGK, hãy nêu nhận xét về quá trình mở rộng của Liên minh châu Âu.

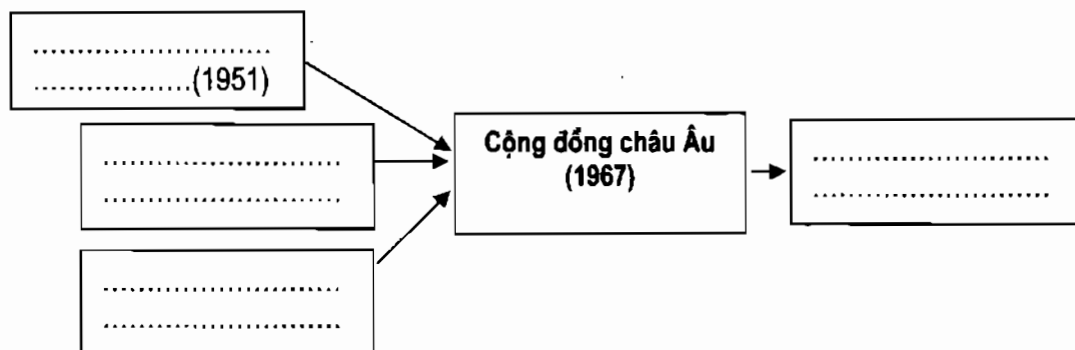


downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI TẬP 7

Hãy hoàn thiện sơ đồ sau để thấy được sơ lược quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU) :



Bài 8

NHẬT BẢN

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản bị chiếm đóng bởi quân đội
A. Mĩ. B. Anh. C. Pháp. D. Liên Xô.
2. Hiến pháp mới của Nhật Bản được ban hành sau Chiến tranh thế giới thứ hai chính thức có hiệu lực từ năm
A. 1946. B. 1947. C. 1948. D. 1950.
3. Trong nội dung cải cách kinh tế ở Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Bộ chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh (SCAP) đã cho giải tán các Daibátxư để
A. xoá bỏ những tàn dư của quan hệ phong kiến.
B. xác lập lại chế độ tư hữu.
C. quốc hữu hoá ngành công nghiệp.
D. tạo điều kiện cho các tập đoàn tư bản của Mĩ vào đầu tư.
4. Vai trò của Thiên hoàng được quy định trong Hiến pháp mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai là
A. nắm quyền hành pháp.
B. nắm quyền tư pháp.
C. nắm quyền lập pháp và hành pháp.
D. tượng trưng và không có quyền lực đối với Nhà nước.
5. Lực lượng Đồng minh sẽ kết thúc chế độ chiếm đóng ở Nhật Bản vào năm
A. 1948. B. 1950. C. 1951. D. 1952.
6. Văn kiện đặt nền tảng cho quan hệ Mĩ – Nhật sau Chiến tranh thế giới thứ hai là
A. Văn kiện về vấn đề Nhật Bản tại Hội nghị Potsdam (1945).
B. Hiến pháp Nhật Bản (1947).
C. Hiệp ước hoà bình Xan Phranxixcô (1951).
D. Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật (1951).

7. Nhật Bản kí hiệp ước đồng ý cho Mỹ đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ của mình là nhằm
- A. tạo liên minh chống ảnh hưởng của Liên Xô.
 - B. tạo liên minh chống ảnh hưởng của Trung Quốc.
 - C. tranh thủ nguồn viện trợ của Mỹ và giảm chi phí quốc phòng.
 - D. tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc cải cách dân chủ.
8. Các cuộc chiến tranh được ví như "ngọn gió thần" thổi vào nền kinh tế Nhật Bản là
- A. chiến tranh Trung Quốc (1946 – 1949) và chiến tranh Triều Tiên (1950 – 1953).
 - B. chiến tranh Triều Tiên (1950 – 1953) và chiến tranh Việt Nam (1954 – 1975).
 - C. chiến tranh Trung Quốc (1946 – 1949) và chiến tranh vùng Vịnh (1991).
 - D. chiến tranh Triều Tiên (1950 – 1953) và chiến tranh vùng Vịnh (1991).
9. Mức chi phí cho quốc phòng của Nhật Bản theo quy định của Hiến pháp 1947 là
- A. không quá 1% GDP.
 - B. không quá 2% GDP.
 - C. không quá 3% GDP.
 - D. không quá 4% GDP.
10. Nét nổi bật trong lĩnh vực khoa học – kĩ thuật của Nhật Bản những năm 1952 – 1973 là
- A. không khuyến khích hoạt động nghiên cứu, phát minh, sáng chế.
 - B. mua bằng phát minh, sáng chế, chuyển giao công nghệ.
 - C. đầu tư lớn cho công cuộc chinh phục vũ trụ.
 - D. tập trung nghiên cứu khoa học quân sự.
11. Đảng giữ vai trò chi phối chính trường Nhật Bản trong những thập kỉ 60 – 80 của thế kỉ XX là
- A. Đảng Bảo thủ.
 - B. Đảng Cộng hoà.
 - C. Đảng Cộng sản.
 - D. Đảng Dân chủ Tự do.
12. Nhật Bản chính thức gia nhập Liên hợp quốc vào năm
- A. 1952.
 - B. 1955.
 - C. 1956.
 - D. 1970.
13. Nhật Bản trở thành siêu cường tài chính số một thế giới vào
- A. thập kỉ 70 của thế kỉ XX.
 - B. đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX.
 - C. cuối thập kỉ 80 của thế kỉ XX.
 - D. thập kỉ 90 của thế kỉ XX.
14. Học thuyết đánh dấu sự bắt đầu chú trọng tới châu Á của Nhật Bản trong chính sách đối ngoại là
- A. học thuyết Fukuda (1977).
 - B. học thuyết Kaifu (1991).
 - C. học thuyết Miyadao (1993).
 - D. học thuyết Hasimoto (1997).

15. Nét nổi bật của tình hình kinh tế, chính trị Nhật Bản trong thập kỉ 90 là
- kinh tế suy thoái, chính trị không ổn định.
 - mất vị trí là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới.
 - Đảng Dân chủ Tự do (LDP) liên tục cầm quyền.
 - các đảng đối lập hoặc liên minh các đảng đã tham gia nắm chính quyền.

BÀI TẬP 2

Hãy ghép thời gian với nội dung sự kiện lịch sử trong bảng dưới đây cho phù hợp.

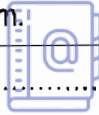
Thời gian	Nội dung sự kiện lịch sử
1. Từ năm 1945 đến năm 1952,	a) Hiệp ước An ninh Mĩ – Nhật được kí kết.
2. Năm 1947,	b) Hiến pháp mới được ban hành sau Chiến tranh thế giới thứ hai có hiệu lực.
3. Từ năm 1950 đến năm 1951,	c) kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kì”.
4. Năm 1951,	d) Lực lượng Đồng minh (Mĩ) chiếm đóng Nhật Bản.
5. Năm 1956,	e) Nhật Bản khôi phục nền kinh tế đạt mức trước chiến tranh.
6. Từ năm 1960 đến năm 1970,	g) Nhật Bản bình thường hoá quan hệ với Liên Xô.
7. Năm 1973,	h) Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
8. Năm 1977,	

BÀI TẬP 3

Hãy ghép các nội dung ở cột giữa với nguyên nhân hoặc thành tựu của nền kinh tế Nhật Bản từ năm 1952 đến năm 1973 cho phù hợp.

1. Nguyên nhân	<p>a) Trong những năm 1960 – 1969, tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm của Nhật Bản đạt 10,8%.</p> <p>b) Nhật Bản đã tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển.</p> <p>c) Nhà nước lãnh đạo và quản lí có hiệu quả.</p>	2. Thành tựu
----------------	---	--------------

	<p>d) Năm 1968, kinh tế Nhật Bản đã vươn lên đứng thứ hai thế giới (sau Mĩ).</p> <p>e) Người dân Nhật Bản có truyền thống lao động tốt, nhiều khả năng sáng tạo, tay nghề cao và tiết kiệm.</p> <p>g) Chi phí cho quốc phòng của Nhật Bản thấp nên có điều kiện tập trung vốn đầu tư cho sản xuất.</p> <p>h) Từ đầu những năm 70 trở đi, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới (cùng với Mĩ và Tây Âu).</p> <p>i) Các công ti Nhật Bản năng động, có tầm nhìn xa, quản lí tốt nên có tiềm lực và sức cạnh tranh cao.</p> <p>k) Nhật Bản biết áp dụng các thành tựu khoa học – kĩ thuật hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.</p>	
--	--	--



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI TẬP 4

Hoàn thành bảng hệ thống dưới đây về các giai đoạn phát triển của Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000.

Các giai đoạn	Kinh tế	Chính trị – xã hội	Khoa học – kĩ thuật
1945 – 1952

1952 – 1973			
1973 – 1991			
1991 – 2000			

BÀI TẬP 5

Hãy trình bày những nét chính trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000.

Chương V

QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945 – 2000)

Bài 9

QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KÌ CHIẾN TRANH LẠNH

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

- Sự kiện khởi đầu gây nên cuộc Chiến tranh lạnh là
 - sự ra đời "Học thuyết Truman".
 - sự ra đời "Kế hoạch Mác-san".
 - sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).
 - sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Vác-sava.
- Quốc gia **không** phải là thành viên của NATO là
 - Italia.
 - Hà Lan.
 - Thụy Điển.
 - Hi Lạp.
- Đến trước khi Chiến tranh lạnh kết thúc, số lượng thành viên của NATO là
 - 12.
 - 14.
 - 16.
 - 18.
- Nguyên nhân chính dẫn đến sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Vác-sava là
 - tăng cường tình đoàn kết giữa Liên Xô và các nước Đông Âu.
 - tăng cường sức mạnh của các nước XHCN.
 - đối phó với khối quân sự NATO do Mỹ đứng đầu.
 - đảm bảo hoà bình và an ninh ở châu Âu.
- Tổ chức Hiệp ước Vác-sava là
 - tổ chức hợp tác kinh tế của các nước XHCN ở châu Âu.
 - tổ chức liên minh phòng thủ về quân sự của các nước XHCN ở châu Âu.
 - tổ chức liên minh chính trị của các nước XHCN ở châu Âu.
 - tổ chức liên minh về chính trị và quân sự của các nước XHCN ở châu Âu.
- Chiến tranh Triều Tiên diễn ra trong những năm
 - 1949 – 1953.
 - 1950 – 1953.
 - 1951 – 1954.
 - 1950 – 1954.

7. Vĩ tuyến 17 trở thành giới tuyến quân sự tạm thời chia cắt hai miền Nam – Bắc Việt Nam được đưa ra tại
- A. Hội nghị Ianta. C. Hội nghị Mátxcơva.
B. Hội nghị Pốtxđam. D. Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương.
8. Xu thế hoà bình và hợp tác bắt đầu vào khoảng thời gian
- A. nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX.
B. nửa đầu những năm 80 của thế kỉ XX.
C. nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX.
D. thập kỉ 90 của thế kỉ XX.
9. Chiến tranh lạnh đã đưa đến hậu quả là
- A. thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng, có lúc đứng trước nguy cơ bùng nổ cuộc chiến tranh thế giới mới.
B. mối quan hệ đồng minh chống phát xít bị phá vỡ, thay vào đó là tình trạng đối đầu giữa hai cường quốc Xô – Mỹ.
C. các nước phải chi phí một khối lượng khổng lồ về tiền của và sức người để chạy đua vũ trang.
D. Cả A, B và C đều đúng.
10. Hai vị nguyên thủ đã cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh là
- A. Brêgionhép và Ca-tơ. C. Brêgionhép và Rigan.
B. Goócbachốp và Rigan. D. Goócbachốp và Busơ (cha).

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ vào ô ☐ trước câu đúng hoặc chữ S vào ô ☐ trước câu sai.

- ☐ Tổng thống Mỹ Truman đề nghị viện trợ khẩn cấp 400 triệu USD cho Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ để biến hai nước này thành căn cứ tiền phương chống lại Liên Xô và các nước Đông Âu.
- ☐ Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương được thành lập tháng 5 – 1955.
- ☐ Chiến tranh Việt Nam (1954 – 1975) là cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất, phản ánh mâu thuẫn giữa hai phe.
- ☐ Cuộc chiến tranh Triều Tiên bắt đầu năm 1949.
- ☐ Tháng 12 – 1989, hai cường quốc Mỹ – Xô tuyên bố chấm dứt tình trạng chiến tranh lạnh.

BÀI TẬP 3

Hãy ghép thời gian với nội dung sự kiện lịch sử trong bảng dưới đây cho phù hợp.

Thời gian	Nội dung sự kiện lịch sử
1. Ngày 9 – 11 – 1972,	a) Định ước Henxinki được kí kết.
2. Tháng 8 – 1975,	b) Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
3. Năm 1985,	c) Hội đồng tương trợ kinh tế tuyên bố giải thể.
4. Năm 1989,	d) Tổ chức Hiệp ước Vácsava chấm dứt hoạt động.
5. Ngày 28 – 6 – 1991,	e) Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.
6. Ngày 1 – 7 – 1991,	

BÀI TẬP 4

Mục tiêu của Mĩ trong việc tiến hành Chiến tranh lạnh là gì ? Vì sao Liên Xô và Mĩ chấm dứt Chiến tranh lạnh ?

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI TẬP 5

Chiến tranh lạnh đã dẫn đến những hậu quả gì ?

BÀI TẬP 6

Từ sau năm 1991, xu thế phát triển của thế giới diễn ra như thế nào ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Chương VI

CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 10

CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ NỬA SAU THẾ KỈ XX

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

- Nước đi đầu trong cuộc cách mạng khoa học – công nghệ nửa sau thế kỉ XX là
A. Liên Xô. B. Mĩ. C. Nhật Bản. D. CHLB Đức.
- Yếu tố **không** phải nguyên nhân chính dẫn đến sự bùng nổ cách mạng khoa học – công nghệ nửa sau thế kỉ XX là
A. những đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người.
B. sự bùng nổ dân số thế giới.

- C. sự cạn kiệt dần nguồn tài nguyên thiên nhiên.
D. sự xuất hiện các dịch bệnh mới.
3. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ là
A. khoa học gắn liền với kĩ thuật.
B. kĩ thuật đi trước mở đường cho sản xuất.
C. thời gian ứng dụng các phát minh vào sản xuất và đời sống diễn ra nhanh.
D. khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
4. Cừu Đôli được tạo ra bằng phương pháp sinh sản vô tính vào năm
A. 1995. B. 1997. C. 1999. D. 2000.
5. Các nhà khoa học công bố "Bản đồ gen người" vào năm
A. 2000. B. 2001. C. 2002. D. 2003.
6. Do tác động của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ, nhân loại đã bước vào nền văn minh
A. nông nghiệp.
B. công nghiệp.
C. thông tin.
D. thương mại.
7. Một hệ quả quan trọng của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ là
A. xuất hiện xu thế toàn cầu hoá.
B. bùng nổ dân số.
C. nhu cầu, đòi hỏi của con người ngày càng cao.
D. xuất hiện các loại dịch bệnh mới.
8. Về bản chất, toàn cầu hoá là quá trình
A. phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
B. gia tăng mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên thế giới.
C. tạo nên sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế thế giới.
D. phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất ; sự phát triển và tác động to lớn của các công ti xuyên quốc gia.
9. Tác động tiêu cực về mặt xã hội của xu thế toàn cầu hoá là
A. gia tăng mâu thuẫn giữa các giai cấp về tư tưởng.
B. gia tăng khoảng cách giàu nghèo.
C. gia tăng tình trạng thất nghiệp.
D. gia tăng dân số.

Bài 11

TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

1. Trật tự thế giới mới được xác lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai là
 - A. trật tự thế giới hai cực lanta.
 - B. trật tự thế giới đa cực.
 - C. trật tự thế giới đơn cực do Mĩ đứng đầu.
 - D. trật tự Vécxai – Oasinhtơn.
2. Đặc trưng nổi bật nhất của tình hình thế giới trong thời gian nửa sau thế kỉ XX là
 - A. sự thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu, CNXH vượt ra khỏi phạm vi một nước và trở thành hệ thống thế giới.
 - B. Mĩ ngày càng giàu mạnh, vươn lên vị trí số một thế giới.
 - C. cao trào giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ ở các nước Á, Phi, Mĩ Latinh, dẫn đến sự sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới.
 - D. thế giới bị chia thành hai cực – hai phe : TBCN và XHCN do Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi phe.
3. Sự kiện đánh dấu CNXH trở thành hệ thống thế giới là
 - A. cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu giành thắng lợi trong những năm 1945 – 1946.
 - B. thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1945.
 - C. thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949.
 - D. thắng lợi của cách mạng Cuba năm 1959.
4. Chuyển biến quan trọng của hệ thống đế quốc chủ nghĩa trong nửa sau thế kỉ XX là
 - A. Mĩ vươn lên trở thành đế quốc giàu mạnh nhất.
 - B. nền kinh tế các nước tư bản đã có sự tăng trưởng liên tục, hình thành nên các trung tâm kinh tế của thế giới.

- C. xuất hiện xu hướng liên kết khu vực – tiêu biểu là sự ra đời và hoạt động có hiệu quả của Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC), nay là Liên minh châu Âu (EU).
- D. Các ý A, B và C đều đúng.
5. Nét nổi bật chi phối quan hệ quốc tế nửa sau thế kỉ XX là
- A. nhiều cuộc chiến tranh cục bộ đã xảy ra.
- B. tình trạng đối đầu gay gắt giữa hai siêu cường, hai phe mà đỉnh cao là tình trạng chiến tranh lạnh kéo dài hơn bốn thập kỉ.
- C. Chiến tranh lạnh chấm dứt, thế giới chuyển sang xu thế hoà dịu, đối thoại và hợp tác.
- D. nhiều cuộc xung đột do mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ,... đã xảy ra.
6. Đặc điểm nổi bật nhất của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật ngày nay là
- A. khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- B. cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật chủ yếu diễn ra trong lĩnh vực công nghệ.
- C. cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật diễn ra với quy mô, nội dung và nhịp điệu chưa từng thấy.
- D. cách mạng khoa học – kĩ thuật đặt ra nhiều vấn đề phải giải quyết như đào tạo nhân lực, bảo vệ môi trường sinh thái,...
7. Ý **không** phản ánh đúng xu thế phát triển chính của thế giới ngày nay là
- A. các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm.
- B. giữa các nước lớn có sự điều chỉnh quan hệ theo chiều hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp.
- C. trong quan hệ quốc tế, dần hình thành một trật tự thế giới mới – trật tự thế giới đơn cực, do Mĩ đứng đầu.
- D. xu thế toàn cầu hoá diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ vào ô ☐ trước câu đúng hoặc chữ S vào ô ☐ trước câu sai.

1. ☐ Trật tự thế giới hai cực lanta được xác lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
2. ☐ Trong nhiều thập kỉ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống XHCN đã trở thành một lực lượng hùng hậu về chính trị, quân sự, kinh tế, khoa học – kĩ thuật.
3. ☐ Sự tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu là mốc đánh dấu sự tan rã của chủ nghĩa xã hội khoa học.

4. ☐ Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000, một cao trào giải phóng dân tộc đã bùng lên mạnh mẽ, một số nước đã giành được độc lập.
5. ☐ Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản trở thành ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới.
6. ☐ Cả hai siêu cường Mĩ và Liên Xô đều thu được những nguồn lợi khổng lồ thông qua cuộc Chiến tranh lạnh kéo dài hơn bốn thập kỉ.
7. ☐ Sau Chiến tranh lạnh, thế giới chuyển sang xu thế hoà dịu, đối thoại, hợp tác phát triển.
8. ☐ Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật diễn ra chủ yếu về lĩnh vực công nghệ nên được gọi là cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.
9. ☐ Xu thế toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ từ những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
10. ☐ Xu thế toàn cầu hoá vừa tạo lợi cơ, vừa đặt ra những thách thức đối với các dân tộc trong quá trình hội nhập.

BÀI TẬP 3

Hãy nêu và phân tích những nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới hiện đại từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI TẬP 4

Sau Chiến tranh lạnh, chiến lược phát triển của hầu hết các quốc gia được điều chỉnh như thế nào ? Tại sao lại có sự điều chỉnh như vậy ?

BÀI TẬP 5

Hãy nêu các xu thế phát triển của thế giới hiện nay. Tại sao nói toàn cầu hoá vừa tạo ra thời cơ, vừa đặt ra thách thức đối với các dân tộc ?

downloadsachmienphi.com

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

Phần hai

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000

Chương I

VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1930

Bài 12

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1925

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

- Sự kiện có ảnh hưởng tích cực đến phong trào cách mạng Việt Nam trong những năm 1919 – 1925 là
 - Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.
 - các nước thắng trận họp hội nghị ở Vécxai – Oasinhtơn để bàn về hoà bình thế giới.
 - Cách mạng tháng Mười Nga thành công, nước Nga Xô viết ra đời.
 - Pháp thực hiện chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam.
- Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào ngành
 - đồn điền trồng cao su.
 - công nghiệp khai mỏ.
 - giao thông vận tải.
 - ngân hàng.
- Nắm trọn quyền chỉ huy nền kinh tế Đông Dương là
 - Chính phủ Pháp.
 - Ngân hàng Đông Dương.
 - Toàn quyền Đông Dương.
 - chủ các đồn điền cao su.

4. Pháp đầu tư mạnh, tốc độ nhanh, quy mô lớn vào các ngành kinh tế trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai nhằm
 - A. hướng Việt Nam phát triển theo con đường TBCN.
 - B. bóc lột lợi nhuận tối đa cho chính quốc.
 - C. giúp tư bản ở Đông Dương củng cố thế lực.
 - D. Các ý A, B và C đều đúng.
5. Hậu quả lớn nhất về kinh tế do chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp là
 - A. các ngành, các vùng kinh tế phát triển không đều.
 - B. một số ngành kinh tế có nguy cơ bị thui chột.
 - C. Việt Nam trở thành thị trường tiêu thụ hàng hoá của Pháp.
 - D. nguồn ngân sách Pháp thu được từ thuế ngày một tăng.
6. Ảnh hưởng của chính sách về chính trị, văn hoá, giáo dục mà Pháp tiến hành ở Việt Nam là
 - A. các quyền tự do dân chủ được mở rộng.
 - B. trình độ dân trí được nâng cao.
 - C. những tư tưởng tiến bộ và khoa học – kĩ thuật có điều kiện phát triển mạnh mẽ.
 - D. các yếu tố văn hoá truyền thống, văn hoá mới tiến bộ và văn hoá nô dịch cùng tồn tại đan xen và đấu tranh với nhau.
7. Nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá sâu sắc trong xã hội Việt Nam là
 - A. chính sách cai trị của thực dân Pháp.
 - B. sự biến đổi về kinh tế do tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp.
 - C. quy luật phát triển của xã hội.
 - D. Các ý A, B và C đều đúng.
8. Mâu thuẫn cơ bản nhất trong xã hội Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là
 - A. mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp.
 - B. mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến.
 - C. mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với đế quốc Pháp và giai cấp tư sản dân tộc.
 - D. mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản dân tộc với chính quyền thực dân.
9. Tính đến năm 1929, số lượng giai cấp công nhân Việt Nam có khoảng
 - A. 15 vạn.
 - B. 20 vạn.
 - C. 21 vạn.
 - D. trên 22 vạn.

10. Sự kiện được đánh giá “như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân” là
- A. Phan Bội Châu được ra tù (1917) và tiếp tục hoạt động.
 - B. Phan Châu Trinh viết “Thất điều thư” vạch tội vua Khải Định (1922).
 - C. Phạm Hồng Thái thực hiện việc mưu sát Toàn quyền Méclanh (1924).
 - D. Hội những người lao động trí óc Đồng Dương ra đời (1925).
11. Giai cấp giữ vị trí chủ chốt cho phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam trong những năm 1919 – 1925 là
- A. giai cấp tư sản.
 - B. giai cấp công nhân.
 - C. giai cấp tiểu tư sản.
 - D. giai cấp nông dân.
12. Sự kiện thể hiện bước chuyển biến mới của phong trào cách mạng Việt Nam kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là
- A. phong trào “bài trừ ngoại hoá” của giai cấp tư sản.
 - B. hoạt động xuất bản sách, báo của tầng lớp tiểu tư sản trí thức.
 - C. cuộc đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu và truy điệu, để tang Phan Châu Trinh.
 - D. phong trào đấu tranh của công nhân xưởng Ba Son năm 1925.
13. Sự kiện có ý nghĩa đánh dấu bước ngoặt về tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc là
- A. gia nhập Đảng Xã hội Pháp năm 1919.
 - B. đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin năm 1920.
 - C. được bầu vào Ban Chấp hành Hội Nông dân Quốc tế năm 1923.
 - D. tham dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản năm 1924.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ vào ô ☐ trước câu đúng hoặc chữ S vào ô ☐ trước câu sai.

- 1. ☐ Năm 1917, sau khi được trả tự do, Phan Bội Châu sang Nga.
- 2. ☐ Phan Châu Trinh kịch liệt đả phá chế độ quân chủ, đề cao dân quyền.
- 3. ☐ Một trong những mục đích trong chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Việt Nam là để bù đắp lại những thiệt hại do Chiến tranh thế giới thứ nhất gây ra.
- 4. ☐ Sự biến đổi về kinh tế, xã hội ở Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai không ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của các khuynh hướng cách mạng khác nhau.

5. ☐ Trí thức tiểu tư sản là lực lượng cách mạng rất nhạy cảm với thời cuộc, đứng cảm trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, vì sự canh tân của đất nước.
6. ☐ Giai cấp tư sản dân tộc là giai cấp hăng hái nhất trong phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.
7. ☐ Giai cấp công nhân Việt Nam trở thành lực lượng chính trị độc lập ngay từ năm 1919.
8. ☐ Giai cấp phong kiến là giai cấp phản động, làm tay sai cho Pháp. Họ không phải là một lực lượng cách mạng.
9. ☐ Cuộc đấu tranh của công nhân xưởng Ba Son (8 – 1925) đã đánh dấu bước tiến mới của phong trào công nhân.
10. ☐ Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin trong lần Người sang Nga dự Hội nghị Quốc tế Nông dân.

BÀI TẬP 3

Hoàn thành bảng niên biểu về những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong thời gian từ năm 1919 đến năm 1925.

Năm	Những hoạt động chính	Ý nghĩa
1919	<div>Download Sách Hay Đọc Sách Online</div>	
1920		
1921 – 1922		

1923 – 1925		

BÀI TẬP 4

Hãy phân tích những ảnh hưởng của tình hình thế giới đến phong trào cách mạng Việt Nam kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI TẬP 5

Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp đã tác động đến tình hình kinh tế – xã hội ở Việt Nam như thế nào ?

BÀI TẬP 6

Nêu đặc điểm của phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam trong những năm 1919 – 1925.

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 13

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1925 ĐẾN NĂM 1930

downloadsachmienphi.com

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

- Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên (HVNCTN) ra đời vào
 - tháng 12 – 1924.
 - tháng 2 – 1925.
 - tháng 6 – 1925.
 - tháng 7 – 1925.
- Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên là
 - chính đảng vô sản đầu tiên ở Việt Nam.
 - tổ chức chính trị quá độ để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
 - tổ chức cách mạng của Việt kiều tại Trung Quốc.
 - một chi bộ của Quốc tế Cộng sản.
- Hoạt động chủ yếu của HVNCTN là
 - các hội viên nghe Nguyễn Ái Quốc giảng lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc.
 - viết sách, báo tuyên truyền giác ngộ cách mạng.
 - xây dựng tổ chức cơ sở ở trong và ngoài nước.
 - Các ý A, B và C đều đúng.

4. Phong trào “vô sản hoá” năm 1928 có tác dụng
 - A. tăng cường số lượng công nhân làm việc trong các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền.
 - B. nâng cao ý thức chính trị của giai cấp công nhân, thúc đẩy phong trào công nhân phát triển mạnh, trở thành nòng cốt của phong trào đấu tranh trong cả nước.
 - C. thúc đẩy các cuộc đấu tranh của nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, sinh viên.
 - D. chuẩn bị trực tiếp về tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
5. Lí do khiến Tân Việt Cách mạng đảng (TVCMĐ) liên tục đổi tên là
 - A. để đảm bảo bí mật trước sự truy lùng của thực dân Pháp.
 - B. do ảnh hưởng sâu sắc dưới tác động của HVNCMTN.
 - C. những người lãnh đạo muốn chọn một cái tên phù hợp hơn.
 - D. để khẳng định khuynh hướng chính trị độc lập của tổ chức này.
6. Địa bàn hoạt động chính của TVCMĐ là
 - A. Bắc Kỳ.
 - B. Trung Kỳ.
 - C. Nam Kỳ.
 - D. Nam Kỳ và Trung Kỳ.
7. Chủ trương của TVCMĐ là
 - A. đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, thiết lập xã hội bình đẳng, bác ái.
 - B. đánh đổ thực dân Pháp và giai cấp phong kiến, xây dựng chế độ cộng hoà.
 - C. đánh đổ đế quốc, thực dân, tiến lên TBCN.
 - D. đánh đổ đế quốc, phong kiến, tiến lên XHCN.
8. Việt Nam Quốc dân đảng (VNQDDĐ) được thành lập năm
 - A. 1925.
 - B. 1926.
 - C. 1927.
 - D. 1928.
9. Lực lượng nắm quyền lãnh đạo trong VNQDDĐ là
 - A. trí thức tiểu tư sản.
 - B. tư sản dân tộc.
 - C. tầng lớp đại địa chủ.
 - D. đại diện của trí thức tiểu tư sản và tư sản dân tộc.
10. Địa bàn hoạt động của VNQDDĐ chủ yếu diễn ra ở
 - A. Bắc Kỳ.
 - B. Trung Kỳ.
 - C. Nam Kỳ.
 - D. Bắc Kỳ, Nam Kỳ và Lào.
11. Nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929 là
 - A. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào yêu nước.
 - B. sự nhận thức về yêu cầu cấp thiết thành lập Đảng Cộng sản của một số hội viên tiên tiến trong HVNCMTN.

- C. quyết định của Nguyễn Ái Quốc.
D. Các ý A và B đúng.
12. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản năm 1929 là
- A. xu thế vận động khách quan của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc dưới tác động của HVNCTN.
B. kết quả nhất trí cao của các đại biểu HVNCTN tại Đại hội lần thứ nhất (5 – 1929).
C. thắng lợi của khuynh hướng vô sản trong cuộc đấu tranh quyết liệt giữa các tổ chức chính trị đại diện cho các khuynh hướng cách mạng khác nhau.
D. bước chuẩn bị đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc cho sự thành lập một chính đảng vô sản ở Việt Nam.
13. Tham gia Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam gồm đại biểu của những tổ chức cộng sản là
- A. Đồng Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng.
B. Đồng Dương Cộng sản đảng và Đồng Dương Cộng sản liên đoàn.
C. Đồng Dương Cộng sản liên đoàn và An Nam Cộng sản đảng.
D. Đồng Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng và Đồng Dương Cộng sản liên đoàn.
14. Nội dung cơ bản của Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là
- A. các đại biểu nhất trí thống nhất ba tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.
B. thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng.
C. lập ra Ban Chấp hành Trung ương lâm thời và các xứ uỷ ở Bắc, Trung và Nam Kì.
D. Các ý A, B và C đều đúng.

BÀI TẬP 2

Hãy ghép những nội dung ở cột bên phải với tên tác phẩm ở cột bên trái cho phù hợp.

Tác phẩm	Nội dung
1. Báo Thanh niên	<p>a) Tập trung giáo dục lòng yêu nước, khơi dậy ý chí căm thù giặc.</p> <p>b) Khẳng định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.</p> <p>c) Giới thiệu cách mạng Nga.</p> <p>d) Nêu những nguyên lí cơ bản xây dựng một chính đảng kiểu mới.</p>

2. Đường Kách mệnh	<p>e) Chỉ rõ đảng mácxít là nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.</p> <p>g) Nêu phương hướng phát triển và vận động của cách mạng giải phóng dân tộc.</p> <p>h) Khẳng định vị trí của “dân tộc cách mệnh” và “giai cấp cách mệnh”</p> <p>i) Nhấn mạnh vai trò của liên minh công nông.</p>
---------------------------	--

BÀI TẬP 3

Hãy hoàn thành bảng kiến thức về các tổ chức cách mạng xuất hiện trong thời gian từ năm 1925 đến năm 1927.

Nội dung	HVNCOMTN	TVCMD	VNQDD
Thời gian thành lập			
Khuyñh hướng cách mạng			
Tôn chỉ, mục đích		Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, thiết lập một xã hội bình đẳng, bác ái	
Cơ cấu tổ chức	Tổng bộ, Kì bộ, các tổ chức cơ sở trong và ngoài nước		
Đối tượng tham gia		Trí thức, thanh niên tiểu tư sản	
Địa bàn hoạt động			Chủ yếu ở Bắc Kì

BÀI TẬP 6

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng nước ta ?

.....

.....

.....

.....

BÀI TẬP 7

Hãy gạch chân những chỗ sai ở các câu dưới đây và giải thích tại sao ?

1. Đông Dương Cộng sản đảng là chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam.
.....
2. Bên cạnh những hoạt động chính trị tích cực cho việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam, HVNCMTN cũng rất chú trọng các hoạt động vũ trang để gây ảnh hưởng trong quần chúng.
.....
3. HVNCMTN là một tổ chức quá độ, phù hợp để tiến tới thành lập một chính đảng cộng sản ở Việt Nam. Đây là lớp huấn luyện các đảng viên ưu tú làm nòng cốt cho Đảng sau này.
.....
4. “Đường Kách mệnh” là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.
.....
5. “Vô sản hoá” là phong trào đấu tranh của giai cấp nông dân chống lại việc thực dân Pháp cướp ruộng đất lập đồn điền, làm cho người nông dân mất tư liệu sản xuất phải bán sức lao động để làm thuê và trở thành công nhân.
.....
6. TVCMĐ là một bộ phận của HVNCMTN, có nhiệm vụ tập hợp và vô sản hoá các lực lượng trung gian.
.....

7. Ngày 25 – 12 – 1927, VNQDD ra đời, chứng tỏ sự trưởng thành vượt bậc của giai cấp tư sản dân tộc khi vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
8. Giống như HVNCMTN, VNQDD rất chú ý đến các hoạt động tuyên truyền, vừa để cổ động cho đường lối dân chủ tư sản, vừa để gây ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng.
9. Mâu thuẫn giữa ba tổ chức cộng sản (ra đời năm 1929) về đường lối và tổ chức ngày càng sâu sắc. Từ thực tiễn đó, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam được tiến hành tại Cửu Long (Hương Cảng – Trung Quốc).
10. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua Luận cương chính trị đầu tiên của Đảng do Trần Phú soạn thảo.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Chương II

VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1945

Bài 14

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1935

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

1. Ngành kinh tế ở Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất bởi tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 là
 - A. nông nghiệp trồng lúa.
 - B. công nghiệp khai mỏ.
 - C. công nghiệp chế biến.
 - D. xuất, nhập khẩu.

2. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 đã làm trầm trọng thêm tình trạng đói khổ của mọi tầng lớp, giai cấp trong xã hội, nhưng khổ cực nhất vẫn là
 - A. nông dân.
 - B. công nhân.
 - C. trí thức tiểu tư sản.
 - D. dân nghèo thành thị.
3. Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam những năm khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 là
 - A. giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và giữa giai cấp nông dân với giai cấp phong kiến.
 - B. giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp và tầng lớp tư sản mại bản.
 - C. giữa giai cấp nông dân với giai cấp phong kiến và giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản.
 - D. giữa giai cấp công nhân với thực dân Pháp và tay sai.
4. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930 – 1931 là
 - A. đời sống nhân dân cực khổ, mâu thuẫn xã hội gay gắt.
 - B. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh.
 - C. thực dân Pháp tăng cường đàn áp, khủng bố sau thất bại của khởi nghĩa Yên Bái.
 - D. chủ nghĩa Mác được truyền bá rộng rãi.
5. Cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động 1 – 5 – 1930 là bước ngoặt của phong trào đấu tranh giai đoạn 1930 – 1931 vì
 - A. diễn ra trên phạm vi cả nước, thu hút đông đảo các lực lượng tham gia.
 - B. quần chúng đấu tranh vũ trang lật đổ chính quyền thực dân, phong kiến.
 - C. đây là lần đầu tiên giai cấp công nhân đấu tranh đòi quyền lợi cho nhân dân lao động cả nước và thể hiện tinh thần quốc tế vô sản.
 - D. Các ý A và C đúng.
6. Từ tháng 6 đến tháng 8 – 1930, trên phạm vi cả nước nổ ra 121 cuộc đấu tranh, nhiều nhất là đấu tranh của giai cấp
 - A. nông dân.
 - B. công nhân.
 - C. tiểu tư sản.
 - D. tư sản.
7. Đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931 là
 - A. ngày 22 – 2 – 1930, cờ đỏ búa liềm được treo ở một số đường phố tại Hà Nội.
 - B. cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động 1 – 5 – 1930 diễn ra trên phạm vi cả nước, thể hiện rõ tinh thần quốc tế vô sản.

- C. cuộc đấu tranh của công nhân Vinh – Bến Thủy hưởng ứng ngày Quốc tế chống chiến tranh 1 – 8 – 1930.
- D. cuộc đấu tranh của nhân dân Nghệ – Tĩnh trong tháng 9 và tháng 10 – 1930 dẫn đến sự ra đời của các Xô viết.
8. Nơi diễn ra những cuộc đấu tranh quyết liệt nhất trong phong trào cách mạng 1930 – 1931 là
- A. các thành phố, đô thị lớn. C. Nghệ – Tĩnh.
- B. các khu công nghiệp và đồn điền. D. Hà Nội.
9. Hình thức đấu tranh được áp dụng trong phong trào cách mạng 1930 – 1931 là
- A. mít tinh, biểu tình, bãi công, bãi khoá.
- B. đấu tranh vũ trang.
- C. đấu tranh vũ trang là chính, có kết hợp với đấu tranh chính trị.
- D. đấu tranh chính trị là chính, có vũ trang hỗ trợ.
10. Mục đích của các cuộc đấu tranh trong giai đoạn 1930 – 1931 là
- A. chống thực dân Pháp xâm lược. C. chống đế quốc Pháp và tay sai.
- B. chống đế quốc, phong kiến. D. chống địa chủ, phong kiến.
11. Sự kiện của Đảng diễn ra vào tháng 10 – 1930 là
- A. Đồng Dương Cộng sản liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam.
- C. Ban lãnh đạo Hải ngoại do Lê Hồng Phong đứng đầu được thành lập.
- D. Đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương.
12. Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng ta là
- A. Trần Phú. C. Hà Huy Tập.
- B. Lê Hồng Phong. D. Lê Duẩn.
13. Nhiệm vụ chính của cách mạng nước ta giai đoạn 1932 – 1935 được Ban Chấp hành Trung ương Đảng vạch ra trong “chương trình hành động của Đảng” là
- A. đấu tranh đòi độc lập dân tộc.
- B. đấu tranh đòi các quyền tự do, dân chủ, thả tù chính trị, bãi bỏ các thứ thuế bất công, củng cố và phát triển các đoàn thể cách mạng.
- C. gây dựng tổ chức Đảng trong và ngoài nước, chuẩn bị lãnh đạo phong trào đấu tranh mới.
- D. chống các thủ đoạn lừa bịp, mị dân của chính quyền thực dân, phong kiến.

14. Hình thức đấu tranh mới xuất hiện trong giai đoạn 1932 – 1935 là
- đấu tranh ngoại giao.
 - vận động bầu cử và báo chí.
 - vận động thực hiện đời sống mới, chống các hủ tục lạc hậu.
 - thành lập các hội cày, hội cấy,...
15. Đến năm 1935, số lượng đảng viên của Đảng Cộng sản Đông Dương là
- 50 người.
 - 500 người.
 - 550 người.
 - 5 000 người.
16. Đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương (3 – 1935) được tiến hành tại
- Hồng Công (Trung Quốc).
 - Ma Cao (Trung Quốc).
 - Thượng Hải (Trung Quốc).
 - Tân Trào (Việt Nam).
17. Nhiệm vụ chủ yếu, trước mắt của cách mạng nước ta được Đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương xác định là
- củng cố và phát triển Đảng.
 - chống chiến tranh đế quốc.
 - tranh thủ quần chúng rộng rãi.
 - Các ý A, B và C đều đúng.

BÀI TẬP 2

Hãy hoàn thành bảng so sánh dưới đây về những điểm giống và khác nhau giữa Luận cương chính trị do Trần Phú soạn thảo với Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Qua đó, em rút ra nhận xét gì ?

Nội dung so sánh	Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2 – 1930)	Luận cương chính trị (10 – 1930)
Giống nhau
Khác nhau

Nhận xét	

BÀI TẬP 3

Hãy nêu những sự kiện tiêu biểu của phong trào cách mạng 1930 – 1931.

BÀI TẬP 4

Vai trò lãnh đạo của Đảng đã được thể hiện như thế nào qua phong trào cách mạng 1930 – 1931 ?



downloadsachmienphi.com

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

BÀI TẬP 5

Nêu nhận xét về sự ra đời và những hoạt động của Xô viết Nghệ – Tĩnh.

Bài 15

PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 – 1939

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

1. Tác động trực tiếp của tình hình thế giới tới những chuyển biến về kinh tế, chính trị và xã hội Việt Nam trong những năm 1936 – 1939 là
 - A. Đại hội VII Quốc tế Cộng sản quyết nghị nhiều vấn đề quan trọng cho cách mạng Việt Nam.
 - B. Chính phủ Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp và thi hành một số chính sách tiến bộ ở thuộc địa.
 - C. Chính phủ Pháp thắt chặt ách thống trị và tăng cường đàn áp phong trào cách mạng ở thuộc địa.
 - D. sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh đế quốc.
2. Mục tiêu của Pháp trong việc khai thác thị trường Đông Dương kể từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 là nhằm
 - A. bù đắp sự thiếu hụt về kinh tế cho chính quốc.
 - B. sẵn sàng chuẩn bị những điều kiện cho cuộc chiến tranh thế giới bùng nổ.
 - C. phát huy thế mạnh về nông nghiệp để cung cấp lương thực cho chính quốc.
 - D. phát triển các ngành như điện, nước, cơ khí... để phục vụ quá trình khai thác lâu dài.
3. Tình hình kinh tế Việt Nam trong những năm 1936 – 1939 là
 - A. tiếp tục lâm vào khủng hoảng do chính sách bóc lột của Pháp.
 - B. phục hồi và phát triển một số ngành phục vụ nhu cầu chiến tranh.
 - C. ruộng đất tập trung vào tay tư bản Pháp, kinh tế đồn điền vươn lên giữ vai trò chủ đạo.
 - D. phát triển khá đều giữa công nghiệp và nông nghiệp theo hướng độc lập, tách dần khỏi sự lệ thuộc vào kinh tế Pháp.
4. Nhiệm vụ cụ thể của cách mạng Đông Dương trong những năm 1936 – 1939 được Đảng ta xác định là
 - A. thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược là chống đế quốc và phong kiến.
 - B. chống chủ nghĩa phát xít, chống đế quốc Pháp xâm lược.

- C. chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh, đòi các quyền tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình.
- D. chống đế quốc Pháp và tay sai phản động, đòi tự do, dân chủ.
5. Đảng chủ trương thực hiện phương pháp đấu tranh trong những năm 1936 – 1939 là
- A. đấu tranh vũ trang là chính, kết hợp với đẩy mạnh đấu tranh chính trị.
- B. đấu tranh chính trị bằng lực lượng quần chúng là chủ yếu, hạn chế đấu tranh bạo lực.
- C. kết hợp các hình thức đấu tranh công khai, bí mật, hợp pháp, bất hợp pháp.
- D. đẩy mạnh đấu tranh nghị trường để hỗ trợ cho cuộc đấu tranh của các lực lượng vũ trang.
6. Đảng chủ trương thành lập Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương để
- A. tập hợp đông đảo mọi lực lượng trong xã hội thực hiện tốt nhiệm vụ cách mạng đặt ra.
- B. cô lập, phân hoá kẻ thù chính của cách mạng là chủ nghĩa phát xít, phản động thuộc địa và tay sai.
- C. chống lại âm mưu phá hoại của kẻ thù đối với khối đoàn kết của các dân tộc Đông Dương.
- D. khẳng định vai trò của nhân dân trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc.
7. Đến tháng 3 – 1938, Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương đổi tên thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương vì
- A. tên gọi Mặt trận Dân chủ Đông Dương phản ánh sát thực, đầy đủ nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn 1936 – 1939.
- B. tên gọi Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương chưa cô lập được kẻ thù trực tiếp, trước mắt như Hội nghị Trung ương tháng 7 – 1936 của Đảng đề ra.
- C. từ năm 1938, nhiệm vụ cách mạng Đông Dương có thay đổi.
- D. Các ý A và B đúng.
8. Phong trào Đông Dương Đại hội diễn ra năm
- A. 1936. C. 1938.
- B. 1937. D. 1939.
9. Thực chất của phong trào Đông Dương Đại hội là
- A. tập hợp “dân nguyện”, đòi quyền sống cho nhân dân Đông Dương.
- B. đấu tranh đòi Pháp chấp nhận để các dân tộc Đông Dương được quyền tiến hành các đại hội.

- C. sự biểu dương lực lượng hùng hậu của nhân dân Đông Dương đối với phái viên Pháp và Toàn quyền Đông Dương mới.
- D. Các ý A, B và C đều đúng.
10. Phong trào Đông Dương Đại hội đã
- A. thành lập được các uỷ ban hành động ở khắp nơi và thu hút đông đảo quần chúng tham gia mít tinh, hội họp.
- B. để lại cho Đảng một số kinh nghiệm lãnh đạo đấu tranh công khai, hợp pháp.
- C. buộc thực dân Pháp phải giải quyết một phần yêu sách của nhân dân, như nới rộng quyền xuất bản báo chí, tự do đi lại,...
- D. Các ý A, B và C đều đúng.
11. Năm 1937, lợi dụng sự kiện phái viên của Chính phủ Pháp Gôđa sang điều tra tình hình Đông Dương và Brévié nhậm chức Toàn quyền Đông Dương, Đảng có chủ trương
- A. tổ chức quần chúng "đón, rước", nhưng thực chất là biểu dương lực lượng.
- B. phát động nhân dân khởi nghĩa, đánh đòn phủ đầu.
- C. đẩy mạnh đấu tranh nghị trường.
- C. biểu thị sự ủng hộ của nhân dân Việt Nam với Chính phủ Pháp.
12. Sự kiện tiêu biểu nhất của phong trào dân chủ trong những năm 1936 – 1939 là
- A. sự ra đời của các uỷ ban hành động năm 1936.
- B. phong trào mít tinh, biểu dương lực lượng khi Toàn quyền Đông Dương mới sang nhậm chức năm 1937.
- C. cuộc mít tinh kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động (1 – 5 – 1938) tại khu Đấu Xảo (Hà Nội).
- D. thắng lợi trong cuộc bầu cử vào Viện Dân biểu Bắc Kỳ và Viện Dân biểu Trung Kỳ.
13. Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí được đánh giá là
- A. một hình thức đấu tranh mới.
- B. mũi nhọn xung kích trong phong trào vận động dân chủ, dân sinh.
- C. cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn hoá tư tưởng.
- D. động lực thúc đẩy cách mạng Việt Nam trong những năm 1936 – 1939.
14. Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào dân chủ trong những năm 1936 – 1939 là
- A. chính quyền thực dân phải nhượng bộ quần chúng nhân dân một số yêu sách cụ thể về dân chủ, dân sinh.
- B. quần chúng nhân dân được giác ngộ, trở thành một lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng.

- C. uy tín của Mặt trận Dân chủ Đông Dương được tăng lên.
D. đội ngũ cán bộ của Đảng được rèn luyện, trưởng thành.

BÀI TẬP 2

Hãy nêu và phân tích những chuyển biến của tình hình thế giới và trong nước có ảnh hưởng đến sự phát triển của phong trào cách mạng nước ta trong những năm 1936 – 1939.



BÀI TẬP 3

Hãy điền tiếp các nội dung phù hợp về phong trào dân chủ 1936 – 1939 để hoàn thành bảng sau :

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Thời gian	Sự kiện	Kết quả, ý nghĩa
Năm 1936	Phong trào Đông Dương Đại hội
Năm 1937	Biểu dương lực lượng hùng hậu của quần chúng.
Ngày 1 – 5 – 1938	Lần đầu tiên các cuộc mít tinh được tổ chức công khai, thu hút đông đảo các tầng lớp xã hội tham gia.
.....	– Nhiều tờ báo công khai ra đời, trở thành mũi nhọn xung kích trong

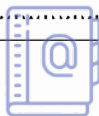
.....	những phong trào lớn của cuộc vận động dân sinh, dân chủ. – Nhiều tác phẩm văn, thơ ra đời, phản ánh cuộc sống hiện thực. – Đồng đảo các tầng lớp nhân dân được giác ngộ về con đường cách mạng của Đảng.
.....	Tổ chức vận động để đưa người của Mặt trận Dân chủ Đông Dương ra ứng cử vào chính quyền của Pháp ở cả ba kì.

BÀI TẬP 4

Hãy hoàn thành bảng so sánh giữa phong trào cách mạng 1930 – 1931 với phong trào cách mạng 1936 – 1939 và nêu nhận xét.

Nội dung	Phong trào 1930 – 1931	Phong trào 1936 – 1939
Nhiệm vụ cụ thể
Lực lượng

Phương pháp cách mạng
Hình thức mặt trận
Nhận xét	



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 16

PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939 – 1945). NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ RA ĐỜI

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

- Sự kiện **không** ảnh hưởng đến tình hình nước ta trong giai đoạn 1939 – 1945 là
 - Pháp thua Đức và làm tay sai cho Đức (6 – 1940).
 - Nhật Bản tiến quân vào Đông Dương (9 – 1940).
 - Nhật đảo chính Pháp (9 – 3 – 1945).
 - Đức tấn công nước Anh (9 – 1940).

2. Ngay khi tiến vào Đông Dương, quân Nhật đã
 - A. hất cẳng Pháp khỏi Đông Dương.
 - B. giữ nguyên bộ máy thống trị của Pháp để vơ vét, bóc lột.
 - C. bắt lính người Việt đi làm bia đỡ đạn thay cho người Nhật.
 - D. thiết lập bộ máy thống trị mới của Nhật.
3. Ý **không** phản ánh đúng tình hình quân Pháp khi quân Nhật tiến vào Đông Dương là
 - A. Pháp bắt tay với quân Nhật và chia sẻ quyền lợi ở Đông Dương cho chúng.
 - B. Pháp tăng cường bóc lột hơn nữa nhân dân Đông Dương.
 - C. Pháp phục tùng và tuyên truyền cho sức mạnh của Nhật Bản.
 - D. Pháp tiến hành xuất cảng các nguyên liệu chiến lược sang Nhật Bản.
4. Tình hình nổi bật ở Đông Dương khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ là
 - A. nhân dân Đông Dương chịu cảnh áp bức “một cổ hai tròng”.
 - B. nền kinh tế nông nghiệp bị tổn hại nghiêm trọng.
 - C. mâu thuẫn xã hội sâu sắc đến mức không thể điều hoà được.
 - D. mâu thuẫn xã hội được xoa dịu.
5. Tại Hội nghị tháng 11 – 1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã xác định mục tiêu đấu tranh trước mắt của cách mạng Đông Dương là
 - A. đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương.
 - B. tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, chia ruộng đất cho dân cày.
 - C. đánh đổ đế quốc và phong kiến, thực hiện quyền làm chủ cho nhân dân lao động.
 - D. đánh đổ Nhật – Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.
6. Phương pháp đấu tranh mà Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11 – 1939 đề ra là
 - A. đấu tranh bí mật, bất hợp pháp.
 - B. đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp.
 - C. đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.
 - D. đấu tranh nghị trường.
7. Hình thức mặt trận được Đảng chủ trương thành lập năm 1939 là
 - A. Hội phản đế Đồng minh Đông Dương.
 - B. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.
 - C. Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương.
 - D. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

8. Ý **không** phản ánh đúng hoàn cảnh bùng nổ khởi nghĩa Bắc Sơn (27 – 9 – 1940) là
- A. Nhật Bản mở rộng phạm vi chiếm đóng khắp Đông Dương.
 - B. quân Pháp ở Lạng Sơn thua trận, hoang mang, lo sợ.
 - C. Đảng bộ Bắc Sơn trưởng thành.
 - D. thời cơ cướp chính quyền từ tay Pháp xuất hiện.
9. Ý **không** phản ánh đúng ý nghĩa của khởi nghĩa Bắc Sơn là
- A. đòn cảnh cáo phát xít Nhật khi vừa đặt chân đến Đông Dương.
 - B. mở đầu cho phong trào đấu tranh vũ trang giải phóng dân tộc sau khi có chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng.
 - C. để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho Đảng.
 - D. thể hiện tinh thần yêu nước của đồng bào các dân tộc miền núi phía Bắc.
10. Yếu tố xuất hiện lần đầu tiên trong khởi nghĩa Nam Kỳ (23 – 11 – 1940) là
- A. khẩu hiệu đánh đổ Nhật – Pháp.
 - B. cờ đỏ sao vàng.
 - C. cờ đỏ búa liềm.
 - D. truyền đơn kêu gọi ủng hộ cuộc đấu tranh của binh-lính.
11. Nguyên nhân dẫn tới cuộc binh biến Đô Lương (13 – 1 – 1941) là
- A. binh lính hưởng ứng cuộc đấu tranh của nhân dân Đô Lương.
 - B. binh lính bất bình vì bị bắt sang Lào đánh quân Thái Lan.
 - C. binh lính thực hiện chỉ thị của Đảng bộ Đô Lương.
 - D. binh lính phản đối việc Pháp xử bắn Đội Cung và 10 đồng chí của ông.
12. Ý **không** phản ánh đúng nguyên nhân thất bại của khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, binh biến Đô Lương là
- A. thực dân Pháp còn mạnh và câu kết với quân Nhật để đàn áp nhân dân.
 - B. thời cơ cách mạng chưa chín muồi.
 - C. sự chuẩn bị chưa tốt.
 - D. nội bộ lãnh đạo không thống nhất.
13. Khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và cuộc binh biến Đô Lương chứng tỏ
- A. thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền từ tay địch đã xuất hiện.
 - B. sự trưởng thành của các tổ chức Đảng ở cơ sở.
 - C. thời cơ đấu tranh vũ trang quyết liệt đã đến.
 - D. Các ý A, B và C đều đúng.

14. Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng vào năm
- A. 1939. C. 1941.
B. 1940. D. 1945.
15. Điểm khác nhau nổi bật nhất về vấn đề dân tộc giữa Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5 – 1941) so với Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11 – 1939 là
- A. đề cao hơn nữa nhiệm vụ giải phóng dân tộc.
B. đặt ra vấn đề giải phóng dân tộc trong phạm vi từng nước Đông Dương.
C. chú trọng đấu tranh vũ trang để giải phóng dân tộc.
D. mở rộng hình thức tập hợp lực lượng và thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
16. Đảng đề ra bản Đề cương văn hoá Việt Nam, vận động thành lập Hội Văn hoá Cứu quốc Việt Nam và Đảng Dân chủ Việt Nam nhằm mục đích chính là
- A. giáo dục chính trị cho quần chúng.
B. tập hợp rộng rãi các lực lượng tham gia vào Mặt trận Việt Minh và nâng cao uy tín cho Mặt trận Việt Minh.
C. tuyên truyền, vận động cử tri bỏ phiếu cho những ứng cử viên của Đảng tham gia chính quyền địch trong cuộc bầu cử vào Viện Dân biểu Bắc Kỳ.
D. Các ý A, B và C đều đúng.
17. Tiến thân của các lực lượng vũ trang được Đảng đặc biệt chú ý quan tâm xây dựng ngay từ đầu là
- A. đội du kích Bắc Sơn. C. hội Cứu quốc.
B. các đội vũ trang tự vệ. D. Trung đội Cứu quốc quân I.
18. Ý **không** phản ánh đúng công tác xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng trong những năm 1941 – 1942 là
- A. thành lập các Trung đội Cứu quốc quân.
B. nâng cao trình độ lý luận, thực tiễn cho Cứu quốc quân.
C. mở rộng phạm vi hoạt động của Cứu quốc quân và gây ảnh hưởng trong quần chúng.
D. thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân.
19. Căn cứ địa cách mạng đầu tiên của nước ta là
- A. căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai. C. căn cứ Đồng Tháp.
B. căn cứ Cao Bằng. D. Liên khu V.

20. Căn cứ địa cách mạng là

- A. nơi cung cấp chủ yếu về sức người, sức của cho cách mạng.
- B. nơi có địa bàn thuận lợi và khá an toàn, tại đây ta có thể chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết cho khởi nghĩa giành chính quyền.
- C. pháo đài “bất khả xâm phạm”, tại đây chính quyền địch tan rã hoàn toàn, nhân dân được làm chủ.
- D. địa bàn bí mật mà địch không ngờ tới.

21. Công tác chuẩn bị toàn diện cho Tổng khởi nghĩa được gấp rút tiến hành từ

- A. tháng 6 – 1941, khi Đức tấn công Liên Xô.
- B. cuối năm 1942, khi Mĩ tuyên chiến với Nhật Bản.
- C. năm 1943, khi Liên Xô và phe Đồng minh chuyển sang phản công trên khắp các mặt trận.
- D. năm 1944, khi Pháp được giải phóng ; Anh – Mĩ triển khai các hoạt động tấn công Nhật Bản.

22. Nhật đảo chính Pháp (9 – 3 – 1945) nhằm

- A. giữ Đông Dương không cho quân Đồng minh kéo vào.
- B. ép các đảng phái phản động ở Đông Dương ủng hộ Nhật chống Pháp.
- C. chứng tỏ sức mạnh của Nhật Bản trước quân Đồng minh.
- D. cảnh cáo Pháp vì không đáp ứng đủ các yêu cầu của quân Nhật.

23. Ý **không** phản ánh đúng hành động của phát xít Nhật ở Đông Dương sau đảo chính Pháp là

- A. xóa bỏ bộ máy chính quyền của thực dân Pháp, xây dựng bộ máy cai trị mới.
- B. tung ra luận điệu giúp đỡ các nước Đông Dương giành độc lập.
- C. tăng cường hơn nữa vơ vét, bóc lột Đông Dương.
- D. thả tù binh Pháp và câu kết với Pháp đàn áp cách mạng ở Đông Dương.

24. Sau khi Nhật đảo chính Pháp, Đảng ta đã

- A. ra chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.
- B. phát động cao trào kháng Nhật cứu nước.
- C. tích cực hoàn thành các công việc cho Tổng khởi nghĩa.
- D. Các ý A, B và C đều đúng.

25. Lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước được ban bố trong hoàn cảnh

- A. Nhật Bản sắp đầu hàng Đồng minh.
- B. Nhật Bản đã đầu hàng Đồng minh.

- C. Nhật Bản chuyển giao chính quyền ở Việt Nam cho chính phủ Trần Trọng Kim.
D. một số địa phương trong cả nước đã giành được chính quyền.
26. Ngày 28 – 8 – 1945, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được cải tổ từ
- A. Tổng bộ Việt Minh.
B. Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ.
C. Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.
D. Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.
27. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị, đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ phong kiến Việt Nam ngày
- A. 19 – 8 – 1945. C. 28 – 8 – 1945.
B. 25 – 8 – 1945. D. 30 – 8 – 1945.
28. Nội dung của Tuyên ngôn Độc lập ngày 2 – 9 – 1945 là
- A. tuyên bố sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
B. khẳng định sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân, phong kiến.
C. khẳng định quyền được hưởng tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam và quyết tâm gìn giữ độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam.
D. Các ý A, B và C đều đúng.

BÀI TẬP 2

Hoàn thành bảng so sánh về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội ở Việt Nam trong những năm 1936 – 1939 với những năm 1939 – 1945 và nêu nhận xét.

Nội dung	Những năm 1936 – 1939	Những năm 1939 – 1945
Chính trị

<p>Kinh tế, xã hội</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>Nhận xét</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

BÀI TẬP 3

Hãy nêu nhận xét chung về các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (9 – 1940), Nam Kỳ (11 – 1940) và cuộc binh biến Đô Lương (1 – 1941).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI TẬP 4

Hãy hoàn thành bảng so sánh giữa Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11 – 1939 và Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5 – 1941) theo mẫu sau :

Nội dung	Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11 – 1939	Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5 – 1941)
Hoàn cảnh lịch sử		
Kẻ thù		
Nhiệm vụ		
Khẩu hiệu		
Hình thức mặt trận		

Ý nghĩa		
---------	--	--

BÀI TẬP 5

Hãy trình bày vai trò của Mặt trận Việt Minh đối với Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.



BÀI TẬP 6

Trình bày tóm tắt diễn biến và ý nghĩa của cao trào kháng Nhật cứu nước.

BÀI TẬP 9

Hãy chứng minh sự sáng suốt của Đảng trong việc nhận định tình hình để đưa ra những chủ trương, biện pháp phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn trong giai đoạn 1939 – 1945.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Chương III

VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1954

Bài 17

NUỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

TỪ SAU NGÀY 2 – 9 – 1945 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 19 – 12 – 1946

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

1. Cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên bầu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà diễn ra ngày
A. 6 – 1 – 1945.
B. 6 – 1 – 1946.
C. 6 – 1 – 1947.
D. 6 – 1 – 1948.
2. Phiên họp đầu tiên của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà diễn ra ngày
A. 2 – 3 – 1946.
B. 2 – 3 – 1947.
C. 2 – 3 – 1948.
D. 2 – 3 – 1949.
3. Bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được Quốc hội thông qua ngày
A. 9 – 11 – 1945.
B. 9 – 11 – 1946.
C. 9 – 11 – 1947.
D. 9 – 11 – 1948.
4. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, để giải quyết căn bản nạn đói, Đảng và nhân dân ta đã thực hiện biện pháp có tính chất hàng đầu và lâu dài là
A. quyên góp, điều hoà thóc gạo giữa các địa phương trong cả nước.
B. nghiêm trị những người đầu cơ, tích trữ gạo.
C. phát động phong trào “Nhường cơm sẻ áo”, “Hũ gạo cứu đói”...
D. kêu gọi “Tăng gia sản xuất ! Tăng gia sản xuất ngay ! Tăng gia sản xuất nữa !”.
5. Thời điểm quân Trung Hoa Dân quốc với danh nghĩa Đồng minh vào giải giáp quân Nhật ở miền Bắc nước ta là
A. ngay sau khi cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thắng lợi.
B. một tuần sau khi cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thắng lợi.

- C. mười ngày sau khi cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thắng lợi.
D. hai tuần sau khi cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thắng lợi.
6. Quân Anh, với danh nghĩa quân Đồng minh, vào giải giáp quân Nhật ở miền Nam nước ta ngày
- A. 9 – 5 – 1945. C. 9 – 5 – 1946.
B. 5 – 9 – 1945. D. 5 – 9 – 1946.
7. Bản Hiệp ước Hoa – Pháp kí ngày 28 – 2 – 1946 có nội dung chính là
- A. Pháp trả lại Trung Hoa Dân quốc các tô giới, nhượng địa của Pháp trên đất Trung Quốc và Pháp được vận chuyển hàng hoá qua cảng Hải Phòng vào Văn Nam không phải đóng thuế.
B. Pháp và Trung Hoa Dân quốc cùng công nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và rút hết quân khỏi Việt Nam.
C. Pháp được đưa quân ra miền Bắc Việt Nam thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật.
D. Các ý A và C đúng.
8. Nhân dân Nam Bộ bắt đầu cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp quay trở lại xâm lược ngày
- A. 23 – 8 – 1945. C. 23 – 10 – 1945.
B. 23 – 9 – 1945. D. 23 – 9 – 1946.
9. Hiệp định Sơ bộ có nội dung chính là
- A. Chính phủ Pháp công nhận nước ta là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng, quân đội riêng, tài chính riêng.
B. Chính phủ ta thoả thuận cho 15 000 quân Pháp thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật.
C. Hai bên ngừng mọi xung đột và giữ nguyên quân đội của mình tại vị trí cũ.
D. Các ý A, B và C đều đúng.
10. Bản Tạm ước ngày 14 – 9 – 1946 do Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí với đại diện Chính phủ Pháp có ý nghĩa
- A. chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.
B. tạo điều kiện cho ta kéo dài thời gian hoà hoãn để xây dựng, củng cố lực lượng, chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp không thể tránh khỏi.
C. giúp ta tránh được cuộc chiến đấu bất lợi vì phải chống lại nhiều kẻ thù cùng một lúc.
D. giúp ta đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc cùng bọn tay sai ra khỏi nước ta.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ vào ô ☐ trước câu đúng hoặc chữ S vào ô ☐ trước câu sai.

- ☐ Ngay sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, quân Trung Hoa Dân quốc dưới danh nghĩa Đồng minh giải giáp quân Nhật đã kéo vào miền Bắc nước ta.
- ☐ Bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được Quốc hội thông qua ngày 9 – 11 – 1946.
- ☐ Ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, lực lượng vũ trang được tiếp tục xây dựng và củng cố : Trên cơ sở Việt Nam Giải phóng quân (thành lập tháng 5 – 1945) được chấn chỉnh và đổi thành Vệ quốc đoàn (9 – 1945) và ngày 22 – 5 – 1946 được đổi thành Quân đội Quốc gia Việt Nam.
- ☐ Để giải quyết nạn đói, Đảng và Chính phủ kêu gọi nhân dân cả nước tự nguyện đóng góp tiền của và phát động phong trào “Tuần lễ vàng”.
- ☐ Ngày 8 – 9 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ – cơ quan chuyên trách về chống “giặc đói” – và kêu gọi nhân dân cả nước tham gia phong trào xoá nạn mù chữ.
- ☐ Thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai vào ngày 23 – 9 – 1945.
- ☐ Hiệp ước Hoa – Pháp đã đặt nhân dân ta trước sự lựa chọn một trong hai con đường : hoặc cầm súng chiến đấu chống thực dân Pháp, hoặc hoà hoãn nhân nhượng để tránh tình trạng phải đối phó với nhiều kẻ thù cùng một lúc.
- ☐ Hiệp định Sơ bộ (6 – 3 – 1946) và Tạm ước (14 – 9 – 1946) đã tạo điều kiện cho ta kéo dài thời gian hoà hoãn để xây dựng, củng cố lực lượng, chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp lâu dài.

BÀI TẬP 3

Hãy ghép thời gian với sự kiện lịch sử trong các bảng dưới đây cho phù hợp.

Bảng 1. Xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng sau khi Cách mạng tháng Tám thành công

Thời gian	Sự kiện lịch sử
1. Ngày 8 – 9 – 1945,	a) Tổng tuyển cử bầu Quốc hội.
2. Ngày 6 – 1 – 1946,	b) Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ.

3. Ngày 14 – 9 – 1946,	c) Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước,
4. Ngày 23 – 11 – 1946,	thay thế cho tiền Đông Dương của Pháp trước đây.

Bảng 2. Cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ chính quyền cách mạng

Thời gian	Sự kiện lịch sử
1. Ngày 23 – 9 – 1945,	a) Hiệp định Sơ bộ được kí kết nhằm tạm thời hoà hoãn với Pháp.
2. Ngày 6 – 3 – 1946,	b) Tạm ước Việt – Pháp được kí kết nhằm kéo dài thời gian hoà hoãn.
3. Ngày 14 – 9 – 1946,	
4. Ngày 19 – 12 – 1946,	c) nhân dân Nam Bộ đứng lên tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp quay trở lại xâm lược.

Bảng 3. Diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ

Thời gian	Sự kiện lịch sử
1. Ngày 2 – 9 – 1945,	a) quân Anh, với danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật, đến Sài Gòn, kéo theo sau là một đại đội quân Pháp.
2. Ngày 6 – 9 – 1945,	
3. Đêm 22 rạng sáng 23 – 9 – 1945,	b) quân dân Nam Bộ đã nhất tề đứng lên chiến đấu chống quân xâm lược.
4. Ngày 5 – 10 – 1945,	
5. Ngày 2 – 3 – 1946,	c) nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng "Ngày Độc lập".
	d) quân Pháp mở rộng đánh chiếm Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

BÀI TẬP 4

Hãy trình bày những thuận lợi và khó khăn của nước ta ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công.

BÀI TẬP 5

Đảng và Chính phủ đã thực hiện những biện pháp nào để xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính ?



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI TẬP 6

Đảng và Chính phủ đã thực hiện chủ trương, sách lược như thế nào đối với Pháp trong hai giai đoạn : trước ngày 6 – 3 – 1946 và từ ngày 6 – 3 – 1946. Hãy nêu nhận xét về chủ trương, sách lược đó.

Nội dung	Giai đoạn trước ngày 6 – 3 – 1946	Giai đoạn từ ngày 6 – 3 – 1946
Chủ trương	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

Sách lược

Nhận xét	
	
	
	
	



Bài 18

NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 – 1950)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

- Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ trong hoàn cảnh
 - phát xít Nhật tăng cường những hoạt động chống phá cách mạng Đông Dương.
 - quân Trung Hoa Dân quốc cấu kết với thực dân Pháp tiến hành đàn áp cách mạng Đông Dương.
 - thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta ở Nam Bộ.
 - thực dân Pháp ngày càng trắng trợn phá hoại Hiệp định Sơ bộ (6 – 3 – 1946) và Tạm ước (14 – 9 – 1946).
- Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ ngày

A. 23 – 9 – 1945.	C. 19 – 12 – 1945.
B. 23 – 9 – 1946.	D. 19 – 12 – 1946.

3. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh được truyền đi khắp cả nước ngày
 - A. 19 – 10 – 1945.
 - B. 19 – 12 – 1945.
 - C. 19 – 12 – 1946.
 - D. 19 – 12 – 1947.
4. Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị Toàn dân kháng chiến ngày
 - A. 12 – 12 – 1945.
 - B. 22 – 12 – 1946.
 - C. 12 – 12 – 1947.
 - D. 22 – 12 – 1947.
5. Văn kiện lịch sử quan trọng nói về đường lối kháng chiến chống Pháp do Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương Trường Chinh viết là
 - A. Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hoá Việt Nam.
 - B. Đề cương văn hoá Việt Nam.
 - C. Kháng chiến nhất định thắng lợi.
 - D. Vấn đề dân cày.
6. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 diễn ra trong khoảng thời gian
 - A. từ ngày 7 – 9 – 1947 đến ngày 19 – 10 – 1947.
 - B. từ ngày 7 – 10 – 1947 đến ngày 19 – 12 – 1947.
 - C. từ ngày 7 – 11 – 1947 đến ngày 30 – 12 – 1947.
 - D. từ ngày 17 – 10 – 1947 đến ngày 21 – 12 – 1947.
7. Chính phủ đề ra chủ trương cải cách giáo dục phổ thông vào
 - A. tháng 6 – 1949.
 - B. tháng 7 – 1949.
 - C. tháng 7 – 1950.
 - D. tháng 7 – 1951.
8. Với mong muốn giành thắng lợi và nhanh chóng kết thúc chiến tranh, ngày 13 – 5 – 1949, Pháp đề ra kế hoạch
 - A. Bôlae.
 - B. Rôve.
 - C. Đờ Lát đơ Tátxinh.
 - D. Nava.
9. Chính phủ quyết định tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp vào đầu năm
 - A. 1946.
 - B. 1947.
 - C. 1948.
 - D. 1949.
10. Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 diễn ra trong khoảng thời gian
 - A. từ ngày 10 – 8 – 1950 đến ngày 22 – 9 – 1950.
 - B. từ ngày 10 – 9 – 1950 đến ngày 22 – 10 – 1950.
 - C. từ ngày 16 – 9 – 1950 đến ngày 22 – 10 – 1950.
 - D. từ ngày 16 – 10 – 1950 đến ngày 22 – 11 – 1950.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ vào ô ☐ trước câu đúng hoặc chữ S vào ô ☐ trước câu sai.

- ☐ Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Chỉ thị Toàn dân kháng chiến và tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi là những văn kiện lịch sử quan trọng về đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp của Đảng.
- ☐ Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp được bắt đầu bằng các cuộc chiến đấu ở khắp các tỉnh thành trong cả nước.
- ☐ Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 kết thúc, Khu giải phóng Việt Bắc được an toàn, biên giới giữa nước ta và Trung Quốc được khai thông.
- ☐ Sau chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947, Đảng và Chính phủ chủ trương đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện.
- ☐ Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thống nhất thành Mặt trận Liên Việt (6 – 1948).
- ☐ Mĩ từng bước can thiệp sâu và “đánh lúi” trực tiếp vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương thông qua kế hoạch Rove.
- ☐ Tháng 6 – 1950, Đảng và Chính phủ ta quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở đường liên lạc với quốc tế, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, tạo đà thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên.

BÀI TẬP 3

Hãy ghép thời gian với sự kiện lịch sử trong các bảng dưới đây cho phù hợp.

Bảng 1. Những diễn biến chính của chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947

Thời gian	Sự kiện lịch sử
1. Ngày 7 – 10 – 1947,	a) Pháp huy động 12 000 quân và hầu hết máy bay ở Đông Dương tấn công lên Việt Bắc.
2. Ngày 9 – 10 – 1947,	
3. Ngày 30 – 10 – 1947,	b) đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 kết thúc, thắng lợi thuộc về ta.
4. Ngày 19 – 12 – 1947,	
	c) quân ta phục kích và thắng lớn ở Khe Lau.

Bảng 2. Một số hoạt động về chính trị của ta nhằm đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện từ sau chiến thắng Việt Bắc thu – đông năm 1947

Thời gian	Sự kiện lịch sử
1. Tháng 6 – 1948, 2. Đầu năm 1949, 3. Tháng 6 – 1949, 4. Ngày 1 – 10 – 1949,	a) Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt quyết định tiến tới thống nhất hai tổ chức. b) Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào thi đua yêu nước toàn quốc. c) Chính phủ quyết định tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp.

Bảng 3. Diễn biến chính của chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950

Thời gian	Sự kiện lịch sử
1. Ngày 16 – 9 – 1950, 2. Ngày 8 – 10 – 1950, 3. Ngày 22 – 10 – 1950,	a) địch rút chạy khỏi Thất Khê. b) quân ta nổ súng tấn công địch ở vị trí Đông Khê. c) quân Pháp buộc phải rút khỏi Na Sầm về Lạng Sơn. d) địch rút chạy khỏi Đường số 4.

Bảng 4. Một số sự kiện lớn từ khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ đến khi kết thúc chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950

Thời gian	Sự kiện lịch sử
1. Ngày 19 – 12 – 1946, 2. Ngày 17 – 2 – 1947, 3. Ngày 19 – 12 – 1947, 4. Ngày 14 – 1 – 1950, 5. Ngày 16 – 9 – 1950, 6. Ngày 4 – 11 – 1950,	a) chiến dịch Việt Bắc kết thúc. b) quân ta tiến công Đông Khê, mở đầu chiến dịch Biên giới. c) cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp bắt đầu. d) quân ta rút khỏi Hà Nội, trở lại căn cứ hậu phương an toàn. e) Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố Việt Nam sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với các nước.

BÀI TẬP 4

Hãy điền những nội dung cho phù hợp vào chỗ chấm (...) trong các bảng dưới đây.

**Bảng 1. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16
trong những năm đầu kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp**

Thời gian	Sự kiện lịch sử
1. Ngày 19 – 12 – 1946
2. Ngày 17 – 2 – 1947

**Bảng 2. Xây dựng lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài
từ sau khi rút khỏi các đô thị đến trước chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947**

Lĩnh vực	Nội dung
Chính trị
Kinh tế
Quân sự

Văn hoá	<hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/>
---------	---

BÀI TẬP 5

Chứng minh tính chất chính nghĩa và tính nhân dân của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1954).


downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI TẬP 6

Trình bày kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.

Bài 19

BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1951 – 1953)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

1. Mĩ kí với Pháp Hiệp định ngừng bắn chung Đông Dương ngày
A. 23 – 12 – 1949. C. 23 – 12 – 1951.
B. 23 – 12 – 1950. D. 23 – 12 – 1952.
2. Sau thất bại trong chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950, để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, Pháp đã dựa vào viện trợ của Mĩ và đề ra kế hoạch
A. Bôlae. B. Rôve. C. Đờ Lát đơ Tátxinhi. D. Nava.
3. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương diễn ra trong thời gian
A. từ ngày 11 đến ngày 19 – 2 – 1949. C. từ ngày 11 đến ngày 19 – 2 – 1951.
B. từ ngày 11 đến ngày 19 – 2 – 1950. D. từ ngày 11 đến ngày 19 – 2 – 1952.
4. Quyết định quan trọng của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với cách mạng mỗi nước Đông Dương là
A. đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi là Đảng Cộng sản Việt Nam.
B. kiện toàn hệ thống tổ chức Đảng từ Trung ương đến địa phương.
C. tách Đảng Cộng sản Đông Dương để thành lập ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia một Đảng Mác – Lênin riêng.
D. Các ý A, B và C đều đúng.
5. Từ ngày 3 đến ngày 7 – 3 – 1951, sự kiện chính trị quan trọng đã diễn ra là
A. Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt.
B. thành lập Liên minh Việt – Miên – Lào.
C. thành lập Mặt trận Khơme Ítxarắc.
D. thành lập Mặt trận Lào Ítxala.
6. Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất (5 – 1952) đã bầu chọn những anh hùng tiêu biểu đầu tiên của cả nước là
A. Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Thị Chiên.
B. Cù Chính Lan, Lương Đình Của, Trần Đại Nghĩa, Hoàng Hanh.

- C. Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Thị Chiên, Hoàng Hanh, Ngô Gia Khảm, Trần Đại Nghĩa, Nguyễn Quốc Trị.
- D. Trần Đại Nghĩa, Ngô Gia Khảm, Lương Đình Của, Hoàng Hanh, Nguyễn Thị Chiên, Cù Chính Lan, La Văn Cầu.
7. Đảng và Chính phủ quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất vào năm
- A. 1951. B. 1952. C. 1953. D. 1954.
8. Từ cuối năm 1950 đến trước đông – xuân 1953 – 1954, quân ta liên tiếp mở các chiến dịch ở
- A. chiến trường chính Bắc Bộ.
- B. đồng bằng Liên khu V.
- C. Nam Bộ và Nam Trung Bộ.
- D. trung du, đồng bằng Bắc Bộ, Hoà Bình, Tây Bắc và Thượng Lào.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ vào ô ☐ trước câu đúng hoặc chữ S vào ô ☐ trước câu sai.

1. ☐ Từ năm 1949, Mỹ tăng cường viện trợ quân sự, kinh tế – tài chính cho Pháp và tay sai nhằm từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.
2. ☐ Ngày 6 – 12 – 1950, Chính phủ Pháp cử tướng Cônhi sang làm Cao uỷ Đông Dương, kiêm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh. Dựa vào viện trợ của Mỹ, Pháp đưa ra kế hoạch Cônhi nhằm kết thúc nhanh chiến tranh.
3. ☐ Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi với hi vọng trong 18 tháng giành lấy một thắng lợi quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự.
4. ☐ Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương đã quyết định tách Đảng Cộng sản Đông Dương để thành lập ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia một Đảng Mác – Lênin riêng.
5. ☐ Từ tháng 2 – 1951, Đảng quyết định ra hoạt động công khai với tên gọi Đảng Cộng sản Việt Nam.
6. ☐ Đầu năm 1953, để bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân, Đảng và Chính phủ quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất.

BÀI TẬP 3

Hãy ghép thời gian với sự kiện lịch sử trong các bảng dưới đây cho phù hợp.

Bảng 1. Một số hoạt động của ta nhằm củng cố hậu phương kháng chiến phát triển mọi mặt từ sau chiến thắng Biên giới thu – đông năm 1950 đến năm 1953

Thời gian	Sự kiện lịch sử
1. Từ ngày 3 đến ngày 7 – 3 – 1951,	a) Chính phủ đề ra cuộc vận động lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm.
2. Ngày 11 – 3 – 1951,	b) ở Liên khu Việt Bắc, Liên khu III, Liên khu IV có trên 1 triệu học sinh phổ thông.
3. Đến năm 1952,	c) Đại hội toàn quốc thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam.
4. Năm 1952,	d) thành lập Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào.
5. Năm 1953,	e) Đảng và Chính phủ quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất.
6. Tháng 9 – 1953,	

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bảng 2. Những chiến dịch tiến công của ta nhằm giữ vững quyền chủ động trên chiến trường từ sau chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 đến năm 1953

Thời gian	Sự kiện lịch sử
1. Từ cuối năm 1950 đến giữa năm 1951,	a) quân ta tiến công địch ở Hoà Bình.
2. Từ ngày 14 – 11 – 1951 đến ngày 23 – 2 – 1952,	b) liên quân Việt – Lào tiến công địch ở Thượng Lào.
3. Từ ngày 14 – 10 – 1952 đến ngày 10 – 2 – 1953,	c) quân ta mở 3 chiến dịch Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám và Quang Trung, tiến công địch ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ.
4. Từ ngày 8 – 4 – 1953 đến ngày 18 – 5 – 1953,	d) quân ta tiến công địch ở Tây Bắc.
5. Ngày 10 – 12 – 1953,	

BÀI TẬP 4

Điền tiếp những nội dung phù hợp vào chỗ chấm (...) trong các câu dưới đây.

1. Những quyết định chính của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2 – 1951) :

a) Tách Đảng Cộng sản Đông Dương để

.....

b) Ở Việt Nam, thành lập Đảng

.....

c) Thông qua

d) Quyết định xuất bản

e) Bầu ra

2. Những hành động chứng tỏ Mỹ từng bước can thiệp vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương :

a) Ngày 23 – 12 – 1950,

.....

b) Tháng 9 – 1951,

.....

BÀI TẬP 5

Từ sau chiến thắng Biên giới thu – đông năm 1950 đến trước đông – xuân 1953 – 1954, hậu phương kháng chiến của ta đã phát triển như thế nào trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế ?

.....

.....

.....

BÀI TẬP 6

Hãy chứng minh : Từ sau chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950, quân ta vẫn giữ vững quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 20

CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC

CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 – 1954)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

1. Bước vào đông – xuân 1953 – 1954, Pháp – Mĩ hi vọng giành thắng lợi quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự bằng việc đề ra
 - A. kế hoạch Xalăng.
 - B. kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.
 - C. kế hoạch Đờ Caxtơri.
 - D. kế hoạch Nava.
2. Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp ở Việt Bắc để bàn về kế hoạch quân sự đông – xuân 1953 – 1954 vào
 - A. đầu tháng 7 – 1953.
 - B. đầu tháng 8 – 1953.
 - C. cuối tháng 9 – 1953.
 - D. cuối tháng 10 – 1953.
3. Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp thông qua kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ vào
 - A. đầu tháng 8 – 1953.
 - B. cuối tháng 9 – 1953.
 - C. đầu tháng 12 – 1953.
 - D. cuối tháng 12 – 1953.
4. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ diễn ra trong thời gian
 - A. từ ngày 1 – 3 đến ngày 7 – 5 – 1953.
 - B. từ ngày 1 – 3 đến ngày 7 – 5 – 1954.
 - C. từ ngày 3 – 3 đến ngày 17 – 5 – 1954.
 - D. từ ngày 13 – 3 đến ngày 7 – 5 – 1954.
5. Ngày 7 – 5 – 1954, quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ, bắt sống toàn bộ Ban Tham mưu của địch và tướng
 - A. Xalăng.
 - B. Nava.
 - C. Cônhi.
 - D. Đờ Caxtơri.
6. Theo Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, ở Việt Nam, quân đội nhân dân Việt Nam và quân đội viễn chinh Pháp tập kết ở hai miền Nam – Bắc, lấy giới tuyến quân sự tạm thời theo
 - A. vĩ tuyến 15.
 - B. vĩ tuyến 16.
 - C. vĩ tuyến 17.
 - D. vĩ tuyến 18.

Hãy điền chữ Đ vào ô ☐ trước câu đúng hoặc chữ S vào ô ☐ trước câu sai.

- ☐ Đến năm 1953, quân Pháp trên chiến trường Đông Dương ngày càng lâm vào thế phòng ngự bị động.
- ☐ Để giành một thắng lợi quân sự nhằm "kết thúc chiến tranh trong danh dự", Pháp – Mi đã đề ra kế hoạch quân sự Na-va (5 – 1953).
- ☐ Điện Biên Phủ nằm ở vùng rừng núi Việt Bắc, có vị trí chiến lược then chốt ở Đông Dương và cả Đông Nam Á.
- ☐ Sau khi tập trung mọi cố gắng để xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, Pháp và Mi đều coi Điện Biên Phủ là "một pháo đài bất khả xâm phạm".
- ☐ Ngày 13 – 4 – 1954, quân ta nổ súng, mở đầu cuộc tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.
- ☐ Ngày 7 – 5 – 1954, chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi.
- ☐ Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ toàn thắng. Quân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 128 200 tên địch, thu 19 000 súng các loại, phá huỷ 162 máy bay, 81 đại bác, giải phóng nhiều vùng rộng lớn trong cả nước.
- ☐ Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc bằng việc kí kết Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương (21 – 7 – 1954).
- ☐ Ngày 8 – 5 – 1954, Hội nghị Giơnevơ khai mạc, thảo luận về vấn đề lập lại hoà bình ở Đông Dương.

Điền tiếp những nội dung phù hợp vào chỗ chấm (...) trong các câu dưới đây.

1. Nội dung chính của kế hoạch Nava :
- a) Bước thứ nhất : trong thu – đông năm 1953 và xuân năm 1954,

b) Bước thứ hai : từ thu – đông năm 1954,

2. Một số sự kiện chính trong tiến trình Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương :

a) Tháng 1 – 1954,



downloadsachmienphi.com

b) Ngày 8 – 5 – 1954,

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

BÀI TẬP 4

Hãy ghép thời gian với sự kiện lịch sử trong các bảng dưới đây cho phù hợp.

**Bảng 1. Quân Pháp bị động phân tán lực lượng
trước những đòn chủ động tấn công của quân ta trong đông – xuân 1953 – 1954**

Thời gian	Sự kiện lịch sử
1. Ngày 10 – 2 – 1953, 2. Đầu tháng 12 – 1953, 3. Cuối tháng 1 – 1954, 4. Đầu tháng 2 – 1954,	a) liên quân Lào – Việt tấn công địch ở Trung Lào, Nava phải tăng cường lực lượng ở Xê nô. b) liên quân Lào – Việt tấn công địch ở Thượng Lào, Nava vội tăng cường lực lượng cho Luông Phabang và Mường Sài.

5. Ngày 21 – 7 – 1954,	c) quân ta tấn công địch ở Lai Châu, Nava vội tăng quân cho Điện Biên Phủ. d) quân ta tấn công địch ở Bắc Tây Nguyên, Nava vội tăng cường lực lượng cho Pleiku.
------------------------	--

Bảng 2. Những diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ

Thời gian	Sự kiện lịch sử
1. Từ ngày 13 – 3 đến ngày 17 – 3 – 1954,	a) quân ta đồng loạt tiến công các cứ điểm phía đông phân khu Trung tâm.
2. Từ ngày 30 – 3 đến ngày 26 – 4 – 1954,	b) quân ta tiến công tiêu diệt cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.
3. Từ ngày 1 – 5 đến ngày 7 – 5 – 1954,	c) quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm và phân khu Nam.
4. Ngày 21 – 7 – 1954,	

downloadsachmienphi.com

BÀI TẬP 5

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Quan sát lược đồ hình 54 trong SGK, hãy trình bày tóm tắt diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

BÀI TẬP 6

Hãy chứng minh : Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ là thắng lợi lớn nhất, có tính chất quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1954).

BÀI TẬP 7

Trình bày nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954).



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Chương IV

VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

Bài 21

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC,
ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ
VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 – 1965)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

1. Nội dung của Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương mà thực dân Pháp đã **không** thực hiện là
 - A. tập kết chuyển quân, chuyển giao khu vực.
 - B. thực hiện lệnh ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương.
 - C. tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam – Bắc Việt Nam.
 - D. rút hết quân về nước.
2. Nét nổi bật nhất của tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là
 - A. Mỹ thay chân Pháp đưa tay sai lên nắm chính quyền ở miền Nam.
 - B. miền Nam Việt Nam trở thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mỹ.
 - C. miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và tiến lên CNXH.
 - D. đất nước bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị – xã hội khác nhau.
3. Ý **không** phản ánh đúng nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam sau khi Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được kí kết là
 - A. hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế ở miền Bắc.
 - B. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước.
 - C. thống nhất đất nước.
 - D. nhân dân miền Bắc bắt tay thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật, chuẩn bị điều kiện để cả nước cùng tiến lên CNXH sau khi miền Nam được giải phóng.

4. Công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh ở miền Bắc đạt được nhiều thành tựu to lớn, **ngoại trừ**
- A. phục hồi nền kinh tế miền Bắc bị chiến tranh tàn phá, tạo cơ sở cho nền kinh tế tiếp tục phát triển.
 - B. đời sống nhân dân miền Bắc từng bước được cải thiện.
 - C. bước đầu cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới XHCN.
 - D. góp phần củng cố miền Bắc, ủng hộ và cổ vũ cho cách mạng miền Nam.
5. Thực chất của công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất ở miền Bắc nước ta là
- A. thực hiện nhiệm vụ của cuộc cách mạng XHCN về quan hệ sản xuất là sửa lại, sắp xếp lại nền kinh tế, đưa nền kinh tế miền Bắc dần dần trở thành nền kinh tế XHCN.
 - B. xoá bỏ quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới XHCN.
 - C. xoá bỏ cơ sở kinh tế tư nhân, xây dựng nền kinh tế tập trung dưới sự điều hành thống nhất của Nhà nước.
 - D. xây dựng cơ sở vật chất, kĩ thuật cho nền kinh tế XHCN.
6. Trọng tâm của nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế những năm 1958 – 1960 là
- A. phát triển các thành phần kinh tế, bao gồm cả kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân.
 - B. xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó thành phần kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo.
 - C. phát triển thành phần kinh tế quốc doanh.
 - D. phát triển mạnh kinh tế tư bản tư nhân dưới sự quản lí của Nhà nước.
7. Ý **không** phản ánh đúng nhiệm vụ của cách mạng miền Nam từ năm 1954 trở đi là
- A. chuyển từ đấu tranh vũ trang chống Pháp sang đấu tranh vũ trang chống Mĩ – Diệm.
 - B. đòi Mĩ – Diệm nghiêm chỉnh chấp hành Hiệp định Giơnevơ.
 - C. đấu tranh bảo vệ hoà bình, đòi quyền dân sinh, dân chủ.
 - D. giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.
8. Phong trào đấu tranh tiêu biểu của trí thức và nhân dân lao động Sài Gòn – Chợ Lớn chống Mĩ – Diệm mở đầu là
- A. “Phong trào hoà bình”.
 - B. phong trào “Dậy mà đi”.
 - C. “Phong trào xuống đường”.
 - D. phong trào “Đồng khởi”.

9. Những nơi Mĩ – Diệm đã gây ra những vụ thảm sát vô cùng man rợ, giết hại đồng bào và những người yêu nước của ta ở miền Nam trong những năm 1954 – 1959 là
- Hương Diên, Phú Lợi, Vĩnh Trinh.
 - Hương Diên, Ấp Bắc, Vĩnh Trinh.
 - Phú Lợi, Vĩnh Trinh, Trà Bồng.
 - Vĩnh Trinh, Bắc Ái, Trà Bồng.
10. Nguyên nhân dẫn đến phong trào “Đồng khởi” ở miền Nam trong những năm 1959 – 1960 là
- Mĩ dựng lên chính quyền tay sai phản động do Ngô Đình Diệm đứng đầu.
 - Mĩ – Diệm không thi hành Hiệp định Giơnevơ.
 - Mĩ – Diệm công khai khủng bố, đàn áp các lực lượng cách mạng, đồng bào yêu nước.
 - Các ý A, B và C đều đúng.
11. Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng có quyết định quan trọng là
- thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam để đoàn kết rộng rãi các lực lượng cho cuộc đấu tranh.
 - nhân dân miền Nam chuyển từ đấu tranh chính trị sang sử dụng bạo lực cách mạng để đánh đổ chính quyền phản cách mạng.
 - đẩy mạnh “Phong trào hoà bình” trên toàn miền Nam, buộc Mĩ – Diệm phải thi hành Hiệp định Giơnevơ.
 - đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang cho cuộc nổi dậy lật đổ chính quyền Mĩ – Diệm.
12. Phong trào “Đồng khởi” diễn ra mạnh mẽ ở
- Nam Bộ, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ.
 - Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và vùng núi các tỉnh Trung Trung Bộ.
 - Bến Tre, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.
 - một số địa phương ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Trung Trung Bộ.
13. Tiêu biểu nhất trong phong trào “Đồng khởi” là cuộc khởi nghĩa ở
- Bến Tre.
 - Quảng Ngãi.
 - Ninh Thuận.
 - Bình Định.
14. Nội dung **không** phản ánh đúng ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” là
- giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ, buộc Mĩ phải thực hiện cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm.
 - đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng miền Nam, từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công.

- C. dấu mốc chấm dứt giai đoạn ổn định của kẻ thù sang giai đoạn khủng hoảng triển miên.
- D. thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" đã mở rộng vùng giải phóng, đưa đến việc thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
15. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập vào
- A. tháng 1 – 1959.
- B. tháng 8 – 1959.
- C. tháng 1 – 1960.
- D. tháng 12 – 1960.
16. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam diễn ra
- A. từ ngày 5 đến ngày 17 – 1 – 1960.
- B. từ ngày 17 đến ngày 27 – 1 – 1960.
- C. từ ngày 5 đến ngày 10 – 9 – 1960.
- D. từ ngày 10 đến ngày 17 – 9 – 1960.
17. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã đề ra
- A. nhiệm vụ chiến lược chung của cách mạng cả nước và nhiệm vụ của cách mạng từng miền.
- B. phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là đấu tranh vũ trang đánh đổ ách thống trị của Mĩ – Diệm.
- C. đường lối tiến hành công nghiệp hoá, điện khí hoá đất nước.
- D. biện pháp giải quyết những khó khăn về kinh tế, xã hội ở miền Bắc.
18. Đối với miền Bắc, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã khẳng định mục tiêu là
- A. khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.
- B. đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH.
- C. chi viện cho tiến tuyến miền Nam.
- D. đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ ra miền Bắc.
19. Trong giai đoạn 1961 – 1965, ngành kinh tế được ưu tiên phát triển hàng đầu ở miền Bắc là
- A. nông nghiệp, đặc biệt là ngành trồng trọt.
- B. công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp nặng.
- C. giao thông vận tải.
- D. thương nghiệp, đặc biệt là thương nghiệp quốc doanh.

20. Chiến lược chiến tranh mà Mỹ thực hiện ở miền Nam trong những năm 1961 – 1965 là
 - A. chiến lược "Chiến tranh đơn phương".
 - B. chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".
 - C. chiến lược "Chiến tranh cục bộ".
 - D. chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".
21. Lực lượng chính của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam giai đoạn 1961 – 1965 là
 - A. quân đội Sài Gòn, dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn Mỹ, dựa vào vũ khí, trang bị của Mỹ.
 - B. quân viễn chinh Mỹ.
 - C. quân các nước đồng minh của Mỹ.
 - D. liên quân Mỹ – Pháp.
22. Để bình định miền Nam trong vòng 18 tháng, Mỹ đã đề ra kế hoạch
 - A. Giôn-xơn – Mác Namara.
 - B. Xtalây – Taylo.
 - C. đồn dân lập "ấp chiến lược".
 - D. tìm diệt và bình định.
23. Một biện pháp được Mỹ và chính quyền Sài Gòn coi như "xương sống" của "Chiến tranh đặc biệt" là
 - A. lập các "khu trù mật".
 - B. lập các "vành đai trắng" để dễ bề khống chế lực lượng cách mạng.
 - C. đồn dân lập "ấp chiến lược".
 - D. phong toả biên giới, vùng biển để ngăn cản sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam.
24. Yếu tố được coi là công cụ của "Chiến tranh đặc biệt" là
 - A. quân đội và chính quyền Sài Gòn.
 - B. "ấp chiến lược".
 - C. đô thị.
 - D. quân các nước đồng minh của Mỹ.
25. Thắng lợi quân sự mở đầu của quân dân ta trong chiến đấu chống "Chiến tranh đặc biệt" là
 - A. chiến thắng Ấp Bắc.
 - B. chiến thắng Núi Thành.
 - C. chiến thắng Bình Giã.
 - D. chiến thắng Vạn Tường.
26. Những chiến thắng làm phá sản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ là
 - A. Ấp Bắc, Tua Hai, Bình Giã, Đồng Xoài.
 - B. Ấp Bắc, Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.
 - C. Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.
 - D. Bình Giã, Ba Gia, Núi Thành, Vạn Tường.

BÀI TẬP 2

Hãy hoàn thành bảng tóm tắt những thành tựu kinh tế – xã hội miền Bắc đạt được trong giai đoạn 1954 – 1965.

Giai đoạn	Nhiệm vụ chính	Thành tựu chính	Ý nghĩa
1954 – 1957
.....	Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – xã hội
1961 – 1965

BÀI TẬP 3

Hãy điền những thông tin phù hợp vào bảng sau về chiến lược chiến tranh xâm lược mà đế quốc Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam trong những năm 1961 – 1965.

Tên chiến lược	Âm mưu	Lực lượng thực hiện	Thủ đoạn
.....

<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
--	--	--	--

BÀI TẬP 4

Hãy thống kê các thắng lợi quân sự của ta làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam.

Thời gian	Thắng lợi quân sự tiêu biểu	Ý nghĩa
	 <p>downloadsachmienphi.com</p> <p>Download Sách Hay Đọc Sách Online</p>	

BÀI TẬP 5

Hãy nêu và phân tích :

- a) Nhiệm vụ của cách mạng từng miền cũng như nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước từ sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương.

[illegible]

b) Mối quan hệ giữa cách mạng hai miền Nam – Bắc.



Bài 22

NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC. NHÂN DÂN MIỀN BẮC Vừa CHIẾN ĐẤU Vừa SẢN XUẤT (1965 – 1973)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

1. Mỹ tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam nước ta trong những năm
A. 1963 – 1966. C. 1965 – 1968.
B. 1964 – 1967. D. 1966 – 1969.
2. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ được tiến hành ở miền Nam nước ta bằng lực lượng
A. quân Mỹ, quân một số nước đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.
B. quân Mỹ và quân đội Sài Gòn.
C. quân đội Sài Gòn và liên quân Mỹ – Anh – Pháp.
D. quân Mỹ và quân các nước đồng minh của Mỹ.

3. Âm mưu của Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" là
 - A. đánh bại quân chủ lực của ta và kết thúc chiến tranh.
 - B. tạo ra ưu thế về binh lực và hoả lực để áp đảo quân chủ lực của ta, giành lại thế chủ động trên chiến trường.
 - C. củng cố lực lượng quân đội Sài Gòn để có thể giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang của ta ra khỏi miền Nam.
 - D. giành lại thế chủ động trên chiến trường miền Nam và mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia.
4. Chiến thuật quân sự được Mĩ sử dụng trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" là
 - A. "trục thẳng vận" và "thiết xa vận".
 - B. lập "ấp chiến lược".
 - C. "tìm diệt" và "lấn chiếm".
 - D. "tìm diệt" và "binh định".
5. Thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ", quân Mĩ đã tiến hành các hoạt động quân sự là
 - A. tấn công Quân giải phóng ở Ấp Bắc (Mĩ Tho), Ba Gia (Quảng Ngãi) và Đồng Xoài (Bình Phước).
 - B. tấn công Quân giải phóng ở Núi Thành (Quảng Nam), Vạn Tường (Quảng Ngãi), Đông Nam Bộ, Liên khu V và căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh).
 - C. tấn công Quân giải phóng ở Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.
 - D. mở cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng.
6. Thắng lợi mở đầu của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ là
 - A. Ấp Bắc (Mĩ Tho), Ba Gia (Quảng Ngãi) và Đồng Xoài (Bình Phước).
 - B. Núi Thành (Quảng Nam), Vạn Tường (Quảng Ngãi).
 - C. Đông Nam Bộ và Liên khu V.
 - D. An Lão (Bình Định) và Bình Giã (Bà Rịa).
7. Chiến thắng được coi là "Ấp Bắc" đối với quân Mĩ, mở đầu cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, lùng nguy mà diệt" trên khắp miền Nam là
 - A. Trà Bồng (Quảng Ngãi).
 - B. Bình Giã (Bà Rịa).
 - C. An Lão (Bình Định).
 - D. Vạn Tường (Quảng Ngãi).

8. Bước vào mùa xuân năm 1968, ta chủ trương mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam là xuất phát từ
- A. so sánh lực lượng đã thay đổi có lợi cho ta và mâu thuẫn ở Mĩ trong năm bầu cử tổng thống.
 - B. sự ủng hộ to lớn của các nước XHCN với cuộc đấu tranh chống Mĩ của nhân dân ta.
 - C. mâu thuẫn giữa Mĩ và chính quyền Sài Gòn đang gay gắt, quân đội Sài Gòn bị cô lập với quân Mĩ.
 - D. sự thất bại nặng nề của quân Mĩ và quân đội Sài Gòn trong hai mùa khô (1965 – 1966 và 1966 – 1967).
9. Trọng tâm tiến công của ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 là
- A. các vùng nông thôn ở đồng bằng.
 - B. các tỉnh biên giới với Lào và Campuchia.
 - C. các vùng rừng núi.
 - D. các đô thị.
10. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 được mở đầu vào
- A. đêm 29 rạng sáng 30 – 1 – 1968.
 - B. đêm 30 rạng sáng 31 – 1 – 1968.
 - C. ngày 1 – 2 – 1968.
 - D. ngày 2 – 2 – 1968.
11. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 diễn ra qua
- A. 2 đợt.
 - B. 3 đợt.
 - C. 4 đợt.
 - D. 5 đợt.
12. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 có ý nghĩa
- A. làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố "phi Mĩ hoá" chiến tranh xâm lược.
 - B. buộc Mĩ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.
 - C. buộc Mĩ phải chấp nhận đến đàm phán ở Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.
 - D. Các ý A, B và C đều đúng.
13. Âm mưu của Mĩ trong việc tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất là
- A. "trả đũa" việc Quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại quân Mĩ ở Pleiku.
 - B. phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng của miền Bắc để chuẩn bị cho cuộc tấn công quy mô lớn của quân đội Sài Gòn ra miền Bắc.
 - C. ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam ; làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta ở hai miền đất nước.
 - D. "trả đũa" quân ta sau "sự kiện Vịnh Bắc Bộ".

14. Cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của Mĩ bắt đầu ngày
- A. 5 – 8 – 1964. C. 7 – 2 – 1965.
B. 2 – 12 – 1964. D. 18 – 8 – 1965.
15. Mĩ phải tuyên bố chấm dứt cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ nhất vào ngày
- A. 2 – 12 – 1964. C. 18 – 8 – 1965.
B. 7 – 12 – 1965. D. 1 – 11 – 1968.
16. Hậu phương miền Bắc luôn sẵn sàng chi viện cho tiền tuyến miền Nam với khẩu hiệu
- A. "ba sẵn sàng".
B. "thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người".
C. "quyết chiến quyết thắng giặc Mĩ xâm lược".
D. "ba mục tiêu".
17. Trong 4 năm (1965 – 1968), sức người, sức của từ miền Bắc đã chuyển vào miền Nam qua tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc – Nam mang tên Hồ Chí Minh (trên bộ và trên biển) tăng so với giai đoạn trước
- A. gấp 3 lần. C. gấp 8 lần.
B. gấp 5 lần. D. gấp 10 lần.
18. Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mĩ được tiến hành trong những năm
- A. 1965 – 1968. C. 1967 – 1970.
B. 1966 – 1969. D. 1969 – 1973.
19. Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mĩ được tiến hành bằng lực lượng
- A. quân đội Sài Gòn là chủ yếu.
B. quân đội Mĩ là chủ yếu.
C. quân đồng minh của Mĩ là chủ yếu.
D. quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hoả lực, không quân Mĩ và đồng minh của Mĩ.
20. Âm mưu của Mĩ trong việc thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" là
- A. "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".
B. "dùng người Việt đánh người Việt".
C. "dùng người Đồng Dương đánh người Đồng Dương".
D. "dùng quân đồng minh của Mĩ đánh người Việt".

21. Thắng lợi chính trị mở đầu của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" là
- A. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập.
 - B. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam được thành lập.
 - C. Quân giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.
 - D. Trung ương cục miền Nam được thành lập.
22. Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia đã biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước là
- A. đoàn kết chống Mĩ.
 - B. thành lập Liên bang Đông Dương.
 - C. cùng bao vây, cô lập chính quyền Sài Gòn.
 - D. Các ý A, B và C đều đúng.
23. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 của quân dân ta được bắt đầu ngày
- A. 12 – 2.
 - B. 30 – 3.
 - C. 30 – 4.
 - D. 30 – 6.
24. Hướng tiến công chủ yếu của quân ta trong cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 là
- A. Quảng Trị.
 - B. Tây Nguyên.
 - C. Đà Nẵng.
 - D. Sài Gòn.
25. Trong cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, quân ta đã chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch là
- A. Đà Nẵng, Tây Nguyên, Sài Gòn.
 - B. Quảng Trị, Đà Nẵng, Sài Gòn.
 - C. Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.
 - D. Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn.
26. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 của quân dân ta đã buộc Mĩ phải
- A. rút khỏi chiến tranh Việt Nam, rút hết quân về nước.
 - B. tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược.
 - C. dùng thủ đoạn ngoại giao như thoả hiệp với Trung Quốc và hoà hoãn với Liên Xô để gây sức ép đối với ta.
 - D. huy động quân đội các nước đồng minh của Mĩ tham chiến.
27. Chiến thắng của quân dân miền Bắc trong chiến đấu chống chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại lần thứ hai được coi như
- A. trận Bạch Đằng.
 - B. trận Chi Lăng.
 - C. trận Đống Đa.
 - D. trận "Điện Biên Phủ trên không".

28. Sau thất bại của chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ hai, Mĩ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc ngày
- A. 6 – 4 – 1972. C. 29 – 12 – 1972.
B. 14 – 12 – 1972. D. 15 – 1 – 1973.
29. Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí kết ngày
- A. 16 – 4 – 1972. C. 15 – 1 – 1973.
B. 9 – 5 – 1972. D. 27 – 1 – 1973.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ vào ô ☐ trước câu đúng hoặc chữ S vào ô ☐ trước câu sai.

- ☐ Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống "cố vấn" Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.
- ☐ Trong cuộc chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ, quân ta đánh bại quân Mĩ ở Vạn Tường. Vạn Tường được coi là "Ấp Bắc" đối với quân Mĩ, mở đầu cao trào "Tim Mĩ mà đánh, lưng nguy mà diệt" trên khắp miền Nam.
- ☐ Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 đã đánh đòn bất ngờ, làm cho địch choáng váng, buộc Mĩ phải chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, rút quân về nước.
- ☐ Tiến hành cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc lần thứ nhất, Mĩ chủ yếu cho máy bay ném bom, bắn phá các nơi như cửa sông Gianh (Quảng Bình), Vinh – Bến Thủy (Nghệ An), Lạch Trường (Thanh Hoá), Hòn Gai (Quảng Ninh).
- ☐ Tính chung, sức người, sức của từ miền Bắc chuyển vào miền Nam trong 4 năm (1965 – 1968) đã tăng gấp 10 lần so với giai đoạn trước.
- ☐ "Việt Nam hoá chiến tranh" được tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ là chủ yếu, có sự phối hợp của quân đồng minh của Mĩ, quân đội Sài Gòn.
- ☐ Từ ngày 30 – 4 đến ngày 30 – 6 – 1970, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Campuchia đã đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn.

8. ☐ Từ ngày 12 – 2 đến ngày 23 – 3 – 1971, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Lào đã đập tan cuộc hành quân mang tên “Lam Sơn – 719” của quân Mĩ và quân đội Sài Gòn.
9. ☐ Hiệp định Pari được kí kết là kết quả của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968.
10. ☐ Theo Hiệp định Pari năm 1973, Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

BÀI TẬP 3

Hãy ghép thời gian với sự kiện lịch sử trong bảng dưới đây cho phù hợp.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
1. Ngày 5 – 8 – 1964,	a) chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi).
2. Ngày 7 – 2 – 1965,	b) cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam.
3. Ngày 18 – 8 – 1965,	c) Mĩ dựng lên “sự kiện Vịnh Bắc Bộ”.
4. Ngày 1 – 11 – 1968,	d) Mĩ chính thức gây ra cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.
5. Ngày 6 – 6 – 1969,	
6. Xuân Mậu Thân năm 1968,	e) Mĩ tuyên bố ngừng hẳn ném bom bắn phá miền Bắc (lần thứ nhất).

BÀI TẬP 4

Hoàn thành bảng dưới đây về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968.

Vấn đề thống kê	Nội dung
Hoàn cảnh
Diễn biến

Kết quả	
Ý nghĩa	

BÀI TẬP 5

Hãy nêu những thành tựu của miền Bắc trong việc thực hiện nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội từ năm 1969 đến năm 1973.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI TẬP 6

Phân tích ý nghĩa của Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 23

KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 – 1975)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

- Thực hiện Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam, Mĩ đã
 - rút hết quân Mĩ khỏi miền Bắc.
 - rút hết quân Mĩ khỏi miền Nam.
 - rút hết quân Mĩ và quân đồng minh của Mĩ khỏi nước ta.
 - rút hết quân đồng minh của Mĩ khỏi miền Nam.
- Toán lính Mĩ cuối cùng rút khỏi nước ta ngày
 - 27 – 1 – 1973.
 - 27 – 2 – 1973.
 - 27 – 3 – 1973.
 - 29 – 3 – 1973.
- Nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc sau Hiệp định Pari là
 - tiếp tục chiến đấu chống Mĩ.
 - vừa sản xuất, vừa chiến đấu và làm nghĩa vụ hậu phương lớn.
 - tập trung vào việc phát triển kinh tế để làm nghĩa vụ hậu phương lớn.
 - khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, tiếp tục chi viện cho miền Nam.
- Để tiếp tục thực hiện chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, Mĩ đã
 - để lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự, lập ra Bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ kinh tế, quân sự cho chính quyền Sài Gòn.
 - sử dụng hoàn toàn lực lượng quân đồng minh của Mĩ.
 - sử dụng hoàn toàn quân đội Sài Gòn.
 - sử dụng quân đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn.
- Dưới sự chỉ huy của cố vấn Mĩ và nhận viện trợ của Mĩ, chính quyền Sài Gòn đã phá hoại Hiệp định Pari bằng cách
 - tiến hành hàng loạt chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”.
 - tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ” và những cuộc hành quân “bình định, lấn chiếm” vùng giải phóng của ta.

- C. tiến hành đồn dân, lập các “ấp chiến lược”.
- D. Cả A, B và C đều đúng.
6. Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (7 – 1973) đã xác định kẻ thù của nhân dân ta là
- A. đế quốc Mĩ.
- B. quân đội Sài Gòn.
- C. quân đồng minh của Mĩ.
- D. đế quốc Mĩ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.
7. Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xác định nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là
- A. tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- B. bắt tay xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của CNXH ở những vùng được giải phóng.
- C. “đánh cho Mĩ cút”, đánh đổ chính quyền và quân đội Sài Gòn.
- D. tiến hành đồng thời 2 chiến lược: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng XHCN.
8. Quân và dân ta đã giành được thắng lợi trong chiến dịch Đường 14 – Phước Long ngày
- A. 12 – 12 – 1974.
- B. 20 – 12 – 1974.
- C. 6 – 1 – 1975.
- D. 6 – 2 – 1975.
9. Thái độ của Mĩ sau chiến thắng của quân và dân ta ở Phước Long là
- A. phản ứng mạnh, tiếp tục tăng viện trợ cho quân đội Sài Gòn.
- B. chỉ phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực từ xa đe dọa.
- C. không can thiệp bằng quân sự đối với miền Nam.
- D. tiếp tục tăng cường can thiệp bằng quân sự đối với miền Nam nước ta.
10. Trước tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam
- A. trong năm 1974.
- B. trong năm 1975.
- C. trong hai năm 1975 và 1976.
- D. trong năm 1976.
11. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 được bắt đầu từ ngày
- A. 4 – 3 – 1975.
- B. 10 – 3 – 1975.
- C. 12 – 3 – 1975.
- D. 24 – 3 – 1975.

12. Đảng ta quyết định giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong năm 1975 vì
- A. quân và dân ta đã chuẩn bị đầy đủ về sức người, sức của.
 - B. bộ đội ta đã trưởng thành và có đủ khả năng hoàn thành giải phóng miền Nam.
 - C. thời cơ chiến lược đến nhanh và hết sức thuận lợi.
 - D. Các ý A, B và C đều đúng.
13. Chiến dịch mở màn cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là
- A. chiến dịch Đường 14 – Phước Long.
 - B. chiến dịch Huế – Đà Nẵng.
 - C. chiến dịch Tây Nguyên.
 - D. chiến dịch Hồ Chí Minh.
14. Tây Nguyên được chọn làm hướng tiến công chủ yếu của quân ta trong năm 1975 vì
- A. đây là địa bàn chiến lược quan trọng nhưng lực lượng của địch tại đây lại mỏng và rất sơ hở.
 - B. lực lượng của địch tập trung chủ yếu tại đây.
 - C. nếu ta tiến công địch ở đây thì sẽ nhận được sự ủng hộ rất lớn của quân dân Lào và Campuchia.
 - D. cơ quan chỉ huy của địch đóng tại đây.
15. Trận đánh có tính chất then chốt, mở màn cho chiến dịch Tây Nguyên là trận
- A. Buôn Ma Thuột.
 - B. Plâyku.
 - C. Kon Tum.
 - D. Củng Sơn.
16. Tây Nguyên được giải phóng vào ngày
- A. 10 – 3 – 1975.
 - B. 12 – 3 – 1975.
 - C. 14 – 3 – 1975.
 - D. 24 – 3 – 1975.
17. Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi, cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta trên toàn miền Nam đã chuyển sang giai đoạn
- A. phòng ngự.
 - B. phản công.
 - C. tiến công chiến lược.
 - D. tổng tiến công chiến lược.
18. Chiến dịch Huế – Đà Nẵng diễn ra trong khoảng thời gian
- A. từ ngày 21 đến ngày 25 – 3 – 1975.
 - B. từ ngày 21 đến ngày 26 – 3 – 1975.
 - C. từ ngày 21 đến ngày 29 – 3 – 1975.
 - D. từ ngày 25 đến ngày 29 – 3 – 1975.

19. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử kết thúc thắng lợi ngày

- A. 26 – 4 – 1975. C. 30 – 4 – 1975.
B. 28 – 4 – 1975. D. 2 – 5 – 1975.

20. Tỉnh cuối cùng ở miền Nam được giải phóng là

- A. Châu Đốc. B. Cà Mau. C. Hà Tiên. D. Kiên Giang.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ vào ô ☐ trước câu đúng hoặc chữ S vào ô ☐ trước câu sai.

1. ☐ Sau Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam, quân Mĩ cùng với quân đồng minh của Mĩ rút khỏi nước ta, làm so sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho cách mạng.
2. ☐ Thực hiện Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam, Mĩ rút hết quân về nước, đất nước đã hoà bình, thống nhất.
3. ☐ Nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc sau khi Hiệp định Pari năm 1973 được kí kết là khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội và làm nghĩa vụ hậu phương.
4. ☐ Việc quân đội Sài Gòn liên tiếp mở những cuộc hành quân “binh định – lấn chiếm” vùng giải phóng của ta thực chất là hành động tiếp tục chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ.
5. ☐ Từ sau thắng lợi của ta ở Phước Long, quân Mĩ và quân đội Sài Gòn đã thực sự suy yếu và bất lực.
6. ☐ Cùng với đấu tranh trên mặt trận quân sự, nhân dân ta ở miền Nam còn đẩy mạnh đấu tranh chính trị, ngoại giao nhằm tố cáo hành động vi phạm Hiệp định Pari của Mĩ và chính quyền Sài Gòn, nêu cao tính chất chính nghĩa của cuộc chiến đấu của nhân dân ta.
7. ☐ Cuối năm 1974 – đầu năm 1975, khi tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp và đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong năm 1975.
8. ☐ Ngày 14 – 3 – 1975, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút toàn bộ quân khỏi Tây Nguyên. Tây Nguyên hoàn toàn được giải phóng.
9. ☐ Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được mang tên “Chiến dịch Hồ Chí Minh”.
10. ☐ Miền Nam được hoàn toàn giải phóng vào ngày 30 – 4 – 1975.

BÀI TẬP 3

Điền tiếp nội dung vào chỗ chấm (...) trong các câu sau cho phù hợp.

- Sau Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam, Mĩ..... về nước, nhân dân miền Bắc bắt tay..... chiến tranh, khôi phục và phát triển.....
....., ra sức chi viện cho.....
Nhân dân miền Nam đấu tranh chống địch....., tạo thế và lực tiến tới cuộc tổng tiến công và nổi dậy..... hoàn toàn miền Nam, giành
..... Tổ quốc.
- Cuộc kháng chiến chống Mĩ kết thúc thắng lợi đã kết thúc 21 năm.....
và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ
từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, chấm dứt ách thống trị của
và chế độ ở nước ta. Trên cơ sở đó, hoàn thành
cuộc cách mạng trong cả nước, thống nhất đất nước.

BÀI TẬP 4

Điền vào bảng dưới đây những kết quả mà miền Bắc đạt được trong hai năm 1973 – 1974.

Nhiệm vụ	Kết quả đạt được
Khắc phục hậu quả chiến tranh
Khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội
Thực hiện nghĩa vụ hậu phương

BÀI TẬP 5

Điền các sự kiện lịch sử phù hợp với mốc thời gian cho trước trong bảng sau về diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Chiến dịch	Thời gian	Diễn biến
Tây Nguyên	Ngày 4 – 3
	Ngày 10 – 3
	Ngày 12 – 3
	Ngày 14 – 3
	Ngày 24 – 3
Huế – Đà Nẵng	Ngày 21 – 3
	Ngày 25 – 3
	Ngày 26 – 3
	Ngày 29 – 3
Hồ Chí Minh	Ngày 26 – 4
	Ngày 28 – 4
	Ngày 30 – 4
	Ngày 2 – 5

BÀI TẬP 6

Hoàn thành bảng dưới đây về những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trên các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao của quân dân hai miền Nam – Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975).

Mặt trận	Thắng lợi có ý nghĩa chiến lược
Quân sự

Chính trị
Ngoại giao

BÀI TẬP 7

Đảng ta căn cứ vào điều kiện lịch sử nào để quyết định mở Chiến dịch Hồ Chí Minh ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI TẬP 8

Sự lãnh đạo đúng đắn và linh hoạt của Đảng được thể hiện như thế nào trong chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI TẬP 9

Trình bày nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).



Chương V

VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000

Bài 24

VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC NĂM 1975

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

1. Sau Đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của nước ta là
 - A. khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế.
 - B. ổn định tình hình chính trị – xã hội ở miền Nam.
 - C. thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
 - D. mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

2. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, Đảng đề ra nhiệm vụ thống nhất đất nước về mặt nhà nước vì
 - A. đất nước đã được thống nhất về mặt lãnh thổ, song hai miền còn tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.
 - B. đáp ứng nguyện vọng của nhân dân cả nước muốn có một chính quyền thống nhất.
 - C. đòi hỏi của thực tế lịch sử dân tộc về nước Việt Nam thống nhất.
 - D. các ý A, B và C đều đúng.
3. Tháng 11 – 1975, đại biểu hai miền Nam – Bắc họp Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tại
 - A. Hà Nội.
 - B. Huế.
 - C. Đà Nẵng.
 - D. Sài Gòn.
4. Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn cách mạng XHCN từ
 - A. sau Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam.
 - B. sau thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh.
 - C. sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.
 - D. sau khi hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
5. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước lần thứ hai được tổ chức ngày
 - A. 6 – 1 – 1946.
 - B. 25 – 4 – 1946.
 - C. 6 – 1 – 1976.
 - D. 25 – 4 – 1976.
6. Quốc hội quyết định lấy tên nước ta là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ ngày
 - A. 25 – 4 – 1974.
 - B. 2 – 5 – 1975.
 - C. 2 – 7 – 1976.
 - D. 31 – 1 – 1977.
7. Hà Nội được chọn là Thủ đô của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào năm
 - A. 1975.
 - B. 1976.
 - C. 1977.
 - D. 1954.
8. Thành phố Sài Gòn – Gia Định chính thức mang tên là Thành phố Hồ Chí Minh vào năm
 - A. 1945.
 - B. 1954.
 - C. 1975.
 - D. 1976.
9. Sau khi thống nhất đất nước, Việt Nam mở rộng quan hệ quốc tế và trở thành thành viên thứ
 - A. 139 của tổ chức Liên hợp quốc.
 - B. 149 của tổ chức Liên hợp quốc.
 - C. 159 của tổ chức Liên hợp quốc.
 - D. 177 của tổ chức Liên hợp quốc.

BÀI TẬP 2

Hãy ghép thời gian với sự kiện trong bảng dưới đây cho phù hợp.

Thời gian	Sự kiện
1. Từ ngày 15 đến ngày 21 – 11 – 1975,	a) Tổng tuyển cử lần thứ hai trong cả nước.
2. Ngày 25 – 4 – 1976,	b) Quốc hội quyết định tên gọi nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
3. Từ ngày 24 – 6 đến ngày 3 – 7 – 1976,	c) Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước được tổ chức tại Sài Gòn.
4. Ngày 2 – 7 – 1976,	d) Quốc hội khoá VI nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên tại Hà Nội.
5. Ngày 20 – 9 – 1977,	

BÀI TẬP 3

Hoàn thành bảng sau về những thuận lợi và khó khăn của cách mạng hai miền Bắc – Nam sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

Nội dung	Miền Bắc	Miền Nam
Thuận lợi	<div>Download Sách Hay! Đọc Sách Online</div>	
Khó khăn		

Bài 25

VIỆT NAM XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976 – 1986)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

1. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước và thống nhất đất nước, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn
 - A. cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
 - B. cách mạng giải phóng dân tộc.
 - C. cách mạng XHCN.
 - D. cách mạng ruộng đất.
2. Con đường phát triển hợp quy luật của cách mạng nước ta là
 - A. độc lập dân tộc gắn với thống nhất đất nước.
 - B. độc lập dân tộc gắn với CNXH.
 - C. độc lập dân tộc gắn với xây dựng và phát triển kinh tế.
 - D. chủ nghĩa xã hội gắn với thống nhất đất nước.
3. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng diễn ra vào
 - A. tháng 7 – 1976.
 - B. tháng 8 – 1976.
 - C. tháng 10 – 1976.
 - D. tháng 12 – 1976.
4. Đường lối xây dựng CNXH trong phạm vi cả nước được đề ra từ
 - A. ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30 – 4 – 1975).
 - B. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9 – 1975).
 - C. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước (11 – 1975).
 - D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12 – 1976).
5. Nhiệm vụ của cách mạng nước ta được đề ra trong kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 – 1980 là
 - A. xây dựng CNXH.
 - B. cải tạo quan hệ sản xuất XHCN.
 - C. vừa xây dựng CNXH, vừa cải tạo quan hệ sản xuất XHCN.
 - D. khôi phục và phát triển kinh tế, từng bước ổn định đời sống của nhân dân.

6. Ý **không** phản ánh mục tiêu cơ bản của kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 – 1980 là
 - A. hoàn thành xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của CNXH.
 - B. xây dựng một bước cơ sở vật chất – kĩ thuật của CNXH.
 - C. bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà chủ yếu là cơ cấu công – nông nghiệp.
 - D. cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động.
7. Trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 – 1980, tuyến đường sắt đã được hoạt động trở lại sau 30 năm gián đoạn là
 - A. Hà Nội – Hải Phòng.
 - B. Hà Nội – Lạng Sơn.
 - C. Hà Nội – Thành phố Hồ Chí Minh.
 - D. Hà Nội – Lào Cai – Vân Nam.
8. Ý **không** phản ánh đúng nhiệm vụ của công cuộc cải tạo XHCN ở vùng mới giải phóng là
 - A. xoá bỏ giai cấp tư sản mại bản.
 - B. cải tạo các xí nghiệp tư bản thành các xí nghiệp quốc doanh hoặc công tư hợp doanh.
 - C. sắp xếp lại hoạt động thủ công nghiệp và thương nghiệp.
 - D. duy trì sản xuất cá thể của nông dân.
9. Sau kế hoạch 5 năm 1976 – 1980 hoàn thành, nền kinh tế nước ta còn khó khăn là
 - A. vẫn mất cân đối, sản xuất phát triển chậm.
 - B. kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể không phát huy được tác dụng.
 - C. kinh tế tư nhân và cá thể bị ngăn cấm.
 - D. Các ý A, B và C đều đúng.
10. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng họp vào
 - A. tháng 3 – 1980.
 - B. tháng 3 – 1981.
 - C. tháng 3 – 1982.
 - D. tháng 3 – 1983.
11. Mục tiêu cơ bản trong kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981 – 1985 là
 - A. hoàn thành việc xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của CNXH.
 - B. ổn định tình hình kinh tế – xã hội.
 - C. sắp xếp lại cơ cấu nền kinh tế quốc dân.
 - D. hoàn thành cải tạo XHCN đối với nền kinh tế quốc dân.
12. Hai công trình thuỷ điện được xây dựng trong kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981 – 1985 là
 - A. Hoà Bình và Trị An.
 - B. Hoà Bình và Sơn La.
 - C. Thác Bà và Tuyên Quang.
 - D. Sơn La và Trị An.

13. Ý **không** phản ánh nhiệm vụ của cách mạng nước ta trong 10 năm đầu sau khi đất nước thống nhất là
- A. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.
 - B. xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước.
 - C. thực hiện hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1980 và 1981 – 1985), phát triển kinh tế – xã hội.
 - D. đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc Tổ quốc.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ vào ô ☐ trước câu đúng hoặc chữ S vào ô ☐ trước câu sai.

1. ☐ Từ năm 1976, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn đất nước độc lập, thống nhất, đi lên CNXH.
2. ☐ Trong 10 năm, từ năm 1976 đến năm 1986, nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng nước ta là đấu tranh bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc.
3. ☐ Độc lập và thống nhất là điều kiện tiên quyết để đất nước tiến lên CNXH.
4. ☐ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12 – 1976) đã đề ra đường lối xây dựng CNXH trong phạm vi cả nước.
5. ☐ Đến năm 1980, nước ta đã hoàn thành xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của CNXH.
6. ☐ Sau 5 năm (1976 – 1980), nền kinh tế nước ta đã xoá bỏ được tình trạng mất cân đối.
7. ☐ Đường lối xây dựng CNXH trong phạm vi cả nước do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (3 – 1982) đề ra.
8. ☐ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng đã điều chỉnh, bổ sung và cụ thể hoá đường lối xây dựng CNXH trong phạm vi cả nước do Đại hội IV đề ra.
9. ☐ Trong việc thực hiện các kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1980 và 1981 – 1985), nước ta đã đạt được mục tiêu cơ bản là ổn định tình hình kinh tế – xã hội.
10. ☐ Đầu tháng 5 – 1975, tập đoàn “Khơme đỏ” ở Campuchia do Pôn Pốt cầm đầu đã đánh chiếm đảo Phú Quốc, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lấn biên giới Tây Nam nước ta.
11. ☐ Quân đội Việt Nam cùng với lực lượng cách mạng Campuchia đã tiến công, xoá bỏ chế độ diệt chủng Pôn Pốt vào đầu năm 1979.
12. ☐ Ngày 17 – 12 – 1979, quân đội Trung Quốc mở cuộc tấn công dọc biên giới nước ta từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

BÀI TẬP 3

Điền những nội dung phù hợp về nhiệm vụ, mục tiêu của hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1980 và 1981 – 1985) vào bảng sau :

Các kế hoạch	Nhiệm vụ	Mục tiêu
Kế hoạch 5 năm 1976 – 1980
Kế hoạch 5 năm 1981 – 1985

BÀI TẬP 4

Hoàn thành bảng dưới đây để so sánh về kết quả thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 – 1980 với kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981 – 1985.

Nội dung so sánh	Kế hoạch 5 năm 1976 – 1980	Kế hoạch 5 năm 1981 – 1985
Sản xuất nông nghiệp

Sản xuất lương thực		
Sản xuất công nghiệp		
Thu nhập quốc dân		

BÀI TẬP 5

Điền các sự kiện lịch sử vào bảng sau cho phù hợp với thời gian trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta những năm 1975 – 1979.

Cuộc đấu tranh	Thời gian	Sự kiện lịch sử
Bảo vệ biên giới Tây Nam	Đầu tháng 5 – 1975	
	Ngày 22 – 12 – 1978	
	Ngày 7 – 1 – 1979	
Bảo vệ biên giới phía Bắc	Ngày 17 – 2 – 1979	
	Ngày 18 – 3 – 1979	

BÀI TẬP 6

Hãy trình bày những thành tựu và khó khăn, hạn chế của cách mạng nước ta trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 – 1980.

BÀI TẬP 7

Trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981 – 1985, cách mạng nước ta đã đạt được những thành tựu và gặp những khó khăn, hạn chế nào ?



[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](https://bookgiaokhoa.com)

Bài 26

ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986 – 2000)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

1. Đại hội toàn quốc của Đảng đánh dấu bước chuyển sang thời kì đổi mới là
 - A. Đại hội IV.
 - B. Đại hội V.
 - C. Đại hội VI.
 - D. Đại hội VII.
2. Đảng và Nhà nước ta đề ra đường lối đổi mới để
 - A. khắc phục sai lầm, khuyết điểm.
 - B. đưa đất nước vượt qua khủng hoảng, thúc đẩy cách mạng tiến lên.
 - C. vươn lên sánh vai cùng các cường quốc.
 - D. Các ý A và C đúng.
3. Đường lối đổi mới của Đảng diễn ra trong lĩnh vực kinh tế – xã hội là
 - A. đổi mới toàn diện và đồng bộ, đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới xã hội, trọng tâm là đổi mới về kinh tế.
 - B. đổi mới toàn diện và đồng bộ, đổi mới chính trị gắn liền với đổi mới tư tưởng, trọng tâm là đổi mới về chính trị.
 - C. đổi mới toàn diện và đồng bộ, đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới chính trị, trọng tâm là đổi mới về chính trị.
 - D. đổi mới toàn diện và đồng bộ, đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới chính trị, trọng tâm là đổi mới về kinh tế.
4. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã đề ra chủ trương về kinh tế là
 - A. tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế : lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.
 - B. tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế : lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng công nghiệp nặng.
 - C. tập trung thực hiện bốn chương trình kinh tế : lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.
 - D. tập trung thực hiện bốn chương trình kinh tế : lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng công nghiệp nặng.

5. Thành tựu trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới ở nước ta là
 - A. giải quyết được việc làm cho người lao động.
 - B. giải quyết nạn thiếu ăn triển miên.
 - C. kim ngạch xuất khẩu tăng.
 - D. xuất khẩu gạo đứng đầu thế giới.
6. Thành tựu về lương thực – thực phẩm của nước ta đầu thập kỉ 90 là
 - A. đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần ổn định đời sống nhân dân.
 - B. trở thành nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới.
 - C. đáp ứng đủ nhu cầu trong nước, không phải nhập từ bên ngoài.
 - D. nước xuất khẩu gạo đứng đầu Đông Nam Á.
7. Đại hội Đảng toàn quốc đã thông qua “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội” và “Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế – xã hội đến năm 2000” là
 - A. Đại hội V.
 - B. Đại hội VI.
 - C. Đại hội VII.
 - D. Đại hội VIII.
8. Sau 10 năm đổi mới (1986 – 1996), về ngoại giao, nước ta đạt thành tựu lớn là
 - A. có quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước, quan hệ buôn bán với hơn 100 nước.
 - B. ngày 11 – 7 – 1995, Việt Nam và Hoa Kì thiết lập quan hệ ngoại giao.
 - C. ngày 28 – 7 – 1995, Việt Nam gia nhập ASEAN.
 - D. Các ý A, B và C đều đúng.
9. Nguyên nhân cơ bản nhất của những thắng lợi mà Nhà nước và nhân dân ta đạt được trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000) là
 - A. Đảng kịp thời điều chỉnh đường lối qua từng kì đại hội sát với thực tiễn.
 - B. Đảng chủ trương đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ.
 - C. đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, những bước đi phù hợp, nên nhanh chóng đi vào cuộc sống, khơi dậy được tiềm năng và sức sáng tạo của nhân dân.
 - D. nước ta mở rộng được quan hệ đối ngoại, phá thế bao vây, cô lập của các lực lượng thù địch, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển.
10. Năm 2000, sản lượng gạo và cà phê của Việt Nam xuất khẩu đứng ở vị trí
 - A. thứ nhất và thứ nhì thế giới.
 - B. thứ nhì và thứ ba thế giới.
 - C. thứ nhất và thứ ba thế giới.
 - D. thứ nhì và thứ tư thế giới.

11. Thành tựu về giáo dục của Việt Nam sau 15 năm đổi mới (1986 – 2000) là
- A. thanh toán được nạn mù chữ.
 - B. thanh toán được nạn mù chữ và thực hiện phổ cập giáo dục Tiểu học.
 - C. thanh toán được nạn mù chữ, thực hiện phổ cập giáo dục Tiểu học ; một số tỉnh, thành bắt đầu phổ cập giáo dục Trung học cơ sở.
 - D. phổ cập giáo dục Trung học cơ sở ; một số tỉnh, thành bắt đầu phổ cập giáo dục Trung học phổ thông.
12. Công cuộc đổi mới của đất nước ta hiện nay còn có những khó khăn cần khắc phục là
- A. kinh tế phát triển chưa vững chắc, năng suất lao động, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp, chất lượng thấp. .
 - B. một số vấn đề văn hoá – xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết.
 - C. tình trạng tham nhũng chưa được khắc phục triệt để.
 - D. Các ý A, B và C đều đúng.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ vào ô ☐ trước câu đúng hoặc chữ S vào ô ☐ trước câu sai.

1. ☐ Đường lối đổi mới của Đảng được điều chỉnh và bổ sung tại Đại hội VI (12 – 1986).
2. ☐ Trọng tâm của công cuộc đổi mới là đổi mới về chính trị.
3. ☐ Đổi mới kinh tế phải gắn liền với đổi mới chính trị, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.
4. ☐ Mục tiêu của Ba chương trình kinh tế do Đại hội VI của Đảng đề ra bao gồm : lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.
5. ☐ Đến năm 1990, ở nước ta bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
6. ☐ Ngày 28 – 7 – 1995, Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
7. ☐ Đến năm 2000, cơ cấu các ngành kinh tế nước ta từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
8. ☐ Sau 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000), vị thế và uy tín của Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

BÀI TẬP 3

Hãy điền thời gian cho phù hợp với sự kiện trong bảng dưới đây :

Thời gian	Sự kiện
	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam
	Sản xuất lương thực đạt 21,4 triệu tấn
	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam
	Việt Nam và Hoa Kì thiết lập quan hệ ngoại giao
	Việt Nam gia nhập ASEAN
	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam
	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam

BÀI TẬP 4

Hãy hoàn thành bảng tóm tắt những thành tựu nổi bật trong từng kế hoạch Nhà nước 5 năm : 1986 – 1990, 1991 – 1995 và 1996 – 2000.

Kế hoạch Nhà nước	Thành tựu
1986 – 1990
1991 – 1995
1996 – 2000

BÀI TẬP 5

Đường lối đổi mới của được Đảng được đề ra trong hoàn cảnh nào ?

.....

.....

BÀI TẬP 6

Thời cơ và thách thức khi Việt Nam gia nhập ASEAN là gì ?

BÀI TẬP 7

Hãy ghép những nội dung trong các ô ở cột bên phải với nội dung trong ô ở cột bên trái cho phù hợp với ý nghĩa của những thành tựu về kinh tế – xã hội nước ta trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000).

Ý nghĩa của
những thành tựu

Tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân

Cơ bản ổn định tình hình kinh tế – xã hội, đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất của đời sống nhân dân

Củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa

Nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế

Bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công – nông nghiệp và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động

Bài 27

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

1. Trong những năm 1919 – 1930, sự kiện đánh dấu Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường giành độc lập và tự do cho nhân dân Việt Nam là
 - A. gửi đến Hội nghị Vécxai Bản yêu sách của nhân dân An Nam đòi quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam.
 - B. đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin.
 - C. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.
 - D. mở các lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng rồi đưa về nước hoạt động.
2. Sự kiện diễn ra vào đầu năm 1930 có tính chất quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt trong lịch sử dân tộc Việt Nam là
 - A. ba tổ chức cộng sản ra đời.
 - B. cuộc khởi nghĩa Yên Bái.
 - C. phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh.
 - D. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đầu năm 1930 trên cơ sở thống nhất ba tổ chức
 - A. An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
 - B. An Nam Cộng sản đảng, Việt Nam Quốc dân đảng, Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.
 - C. Đông Dương Cộng sản liên đoàn, Việt Nam Quốc dân đảng, An Nam Cộng sản đảng.
 - D. Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn, Tân Việt Cách mạng đảng.
4. Phương pháp đấu tranh có sự kết hợp giữa hình thức công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp, đòi tự do, dân sinh, dân chủ được thực hiện trong phong trào cách mạng
 - A. 1930 – 1931.
 - B. 1932 – 1935.
 - C. 1936 – 1939.
 - D. 1939 – 1945.

5. Trong thời kì kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), cách mạng nước ta thực hiện nhiệm vụ chiến lược là
 - A. vừa sản xuất vừa chiến đấu.
 - B. vừa kháng chiến vừa kiến quốc.
 - C. vừa diệt giặc đói vừa diệt giặc dốt.
 - D. vừa kháng chiến vừa tiến lên CNXH.
6. Nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước trong những năm 1954 – 1975 là
 - A. hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
 - B. thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
 - C. xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước.
 - D. kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.
7. Cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kì cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước từ sau khi
 - A. nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời năm 1945.
 - B. cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi năm 1954.
 - C. miền Nam được hoàn toàn giải phóng năm 1975.
 - D. đất nước được độc lập, thống nhất năm 1976.
8. Đường lối đổi mới đất nước được đề ra từ
 - A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (1976).
 - B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (1982).
 - C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986).
 - D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (1991).

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ vào ô ☐ trước câu đúng hoặc chữ S vào ô ☐ trước câu sai.

1. ☐ Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp đã tạo điều kiện cho cơ cấu kinh tế Việt Nam phát triển cân đối giữa công nghiệp và nông nghiệp.
2. ☐ Nguyễn Ái Quốc là người tìm ra con đường đấu tranh giành độc lập và tự do cho nhân dân Việt Nam.
3. ☐ Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Trần Phú soạn thảo.
4. ☐ Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

5. ☐ Đầu năm 1930, cuộc khởi nghĩa Yên Bái do Việt Nam Quốc dân đảng lãnh đạo bị thất bại.
6. ☐ Xô viết Nghệ – Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931.
7. ☐ Việt Nam không chịu tác động bởi cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933).
8. ☐ Trong những năm 1936 – 1939, ở Việt Nam dấy lên phong trào đấu tranh công khai đòi tự do, dân sinh, dân chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng.
9. ☐ Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đã góp phần vào thắng lợi của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
10. ☐ Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập, nhân dân cả nước bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội.
11. ☐ Từ sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954 đến năm 1975, nhiệm vụ chung của cách mạng nước ta là kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.
12. ☐ Trong những năm 1973 – 1975, quân dân ta đã đánh bại hoàn toàn chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của đế quốc Mĩ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.
13. ☐ Cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kì cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước ngay sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng.
14. ☐ Đường lối đổi mới đất nước được đề ra từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (1976).
15. ☐ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986) đã mở đầu công cuộc đổi mới đất nước.
16. ☐ Thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước đã từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

BÀI TẬP 3

Hãy phân loại các sự kiện trong bảng dưới đây bằng cách đánh dấu x vào ô trống ứng với lĩnh vực tương ứng.

Năm	Sự kiện	Quân sự	Chính trị	Ngoại giao
1954	Phong trào hoà bình của trí thức và các tầng lớp nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn được tổ chức			
1960	Phong trào “Đồng khởi” diễn ra ở các tỉnh Nam Bộ, Tây Nguyên và Trung Trung Bộ			

1960	Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời			
1963	Chiến thắng Ấp Bắc (Mĩ Tho)			
1963	Hai vạn tăng ni Phật tử ở Huế biểu tình phản đối chính quyền Sài Gòn			
1964	Chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa), An Lão (Bình Định)			
1965	Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi)			
1967	Đánh bại cuộc hành quân Gianxơn Xiti của địch đánh vào căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh)			
1967	Cương lĩnh của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được 41 nước, 12 tổ chức quốc tế và 5 tổ chức khu vực lên tiếng ủng hộ			
1968	Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam			
1969	Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam được thành lập			
1969	Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam được 23 nước công nhận, trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao			
1970	Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia			
1971	Quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Lào đập tan cuộc hành quân mang tên "Lam Sơn – 719" của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn			
1972	Cuộc Tiến công chiến lược trên khắp chiến trường miền Nam			
1972	Trận "Điện Biên Phủ trên không" kết thúc thắng lợi			
1973	Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí kết			
1975	Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử kết thúc thắng lợi			

BÀI TẬP 4

Hãy điền thời gian cho phù hợp với các sự kiện lịch sử trong bảng dưới đây :

Thời gian	Sự kiện lịch sử
	Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam
	Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên được thành lập
	Ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam ra đời
	Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập
	Đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng Cộng sản Việt Nam
	Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân được thành lập
	Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời
	Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng
	Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi
	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng
	Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân
	Cuộc Tiến công chiến lược trên toàn miền Nam
	Hiệp định Pari về Việt Nam được kí kết
	Miền Nam được hoàn toàn giải phóng
	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng – mở đầu giai đoạn cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội
	Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc
	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng – mở đầu công cuộc đổi mới đất nước
	Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)
	Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)
	Việt Nam được bầu làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc

MỤC LỤC

Trang

Phần một

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000

CHƯƠNG I

SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 – 1949)

Bài 1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 – 1949)	3
---	---

CHƯƠNG II

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 – 1991). LIÊN BANG NGA (1991 – 2000)

Bài 2. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 – 1991) Liên bang Nga (1991 – 2000)	7
--	---

CHƯƠNG III

CÁC NƯỚC Á, PHI VÀ MĨ LATINH (1945 – 2000)

Bài 3. Các nước Đông Bắc Á	12
Bài 4. Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ	16
Bài 5. Các nước châu Phi và Mĩ Latinh	22

CHƯƠNG IV

MĨ, TÂY ÂU, NHẬT BẢN (1945 – 2000)

Bài 6. Nước Mĩ	27
Bài 7. Tây Âu	30
Bài 8. Nhật Bản	37

CHƯƠNG V

QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945 – 2000)

Bài 9. Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì Chiến tranh lạnh	42
---	----

CHƯƠNG VI

CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ

Bài 10. Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hoá nửa sau thế kỉ XX	45
Bài 11. Tổng kết lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến năm 2000	49

Phần hai

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000



CHƯƠNG I

VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1930

Bài 12. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925	53
Bài 13. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1930	58

CHƯƠNG II

VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1945

Bài 14. Phong trào cách mạng 1930 – 1935.....	64
Bài 15. Phong trào dân chủ 1936 – 1939	69
Bài 16. Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939 – 1945). Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời	74

CHƯƠNG III

VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1954

Bài 17. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ sau ngày 2 – 9 – 1945 đến trước ngày 19 – 12 – 1946	85
Bài 18. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950)	90
Bài 19. Bước phát triển của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951 – 1953).....	96
Bài 20. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953 – 1954).....	101

CHƯƠNG IV

VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

Bài 21. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 – 1965)	106
Bài 22. Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 – 1973).....	113
Bài 23. Khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội ở miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 – 1975)	121

CHƯƠNG V

VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000

Bài 24. Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước năm 1975	128
Bài 25. Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976 – 1986)	132
Bài 26. Đất nước trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986 – 2000).....	138
Bài 27. Tổng kết lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000	143

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc **NGÔ TRẦN ÁI**
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập **NGUYỄN QUÝ THAO**

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Biên tập lần đầu : **NGUYỄN NAM PHONG - NÔNG THỊ HUỆ**

Biên tập tái bản : **LÊ HỒNG SƠN**

Biên tập kỹ thuật : **KIỀU NGUYỆT VIÊN**

Trình bày bìa : **LƯU CHÍ ĐỒNG**

Sửa bản in : **LÊ HỒNG SƠN**

Chế bản : **CÔNG TY CP THIẾT KẾ VÀ PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC**

BÀI TẬP LỊCH SỬ 12

Mã số: TZD32h1

In 35.000 cuốn (ST), khổ 17 x 24 cm. In tại Công ty TNHH MTV In Quân đội 1 - Hà Nội.

Số in: 0575. Số xuất bản: 01-2011/CXB/944-1235/GD.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 2011.



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



VƯƠNG MIỀN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

SÁCH BÀI TẬP LỚP 12

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. BÀI TẬP GIẢI TÍCH 12 | 6. BÀI TẬP TIN HỌC 12 |
| 2. BÀI TẬP HÌNH HỌC 12 | 7. BÀI TẬP NGỮ VĂN 12 (tập một, tập hai) |
| 3. BÀI TẬP VẬT LÝ 12 | 8. BÀI TẬP TIẾNG ANH 12 |
| 4. BÀI TẬP HOÁ HỌC 12 | 9. BÀI TẬP TIẾNG PHÁP 12 |
| 5. BÀI TẬP SINH HỌC 12 | 10. BÀI TẬP TIẾNG NGA 12 |

SÁCH BÀI TẬP LỚP 12 - NÂNG CAO

- | | |
|------------------------|---|
| • BÀI TẬP GIẢI TÍCH 12 | • BÀI TẬP NGỮ VĂN 12 (tập một, tập hai) |
| • BÀI TẬP HÌNH HỌC 12 | • BÀI TẬP ĐỊA LÍ 12 |
| • BÀI TẬP VẬT LÝ 12 | • BÀI TẬP LỊCH SỬ 12 |
| • BÀI TẬP HOÁ HỌC 12 | • BÀI TẬP TIẾNG ANH 12 |

Bạn đọc có thể mua sách tại :

- Các Công ty Sách - Thiết bị trường học ở các địa phương.
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội, 187B Giảng Võ, TP. Hà Nội.
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam, 231 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, TP. HCM.
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng, 15 Nguyễn Chi Thanh, TP. Đà Nẵng.

hoặc các cửa hàng sách của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam :

- Tại TP. Hà Nội : 187 Giảng Võ ; 232 Tây Sơn ; 23 Tràng Tiền ;
25 Hàn Thuyên ; 32E Kim Mã ;
14/3 Nguyễn Khánh Toàn ; 67B Cửa Bắc.
- Tại TP. Đà Nẵng : 78 Pasteur ; 247 Hải Phòng.
- Tại TP. Hồ Chí Minh : 104 Mai Thị Lựu ; 2A Đinh Tiên Hoàng, Quận 1 ;
240 Trần Bình Trọng ; 231 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5.
- Tại TP. Cần Thơ : 5/5 Đường 30/4.
- Tại Website bán sách trực tuyến : www.sach24.vn

Website: www.nxbgd.vn



9 780349 941249 >

Giá: 9.700đ